Bài 7: HÀNH TRÌNH KHÁM PHÁ SỰ THẬT

**(Truyện trinh thám - 13 tiết)**

(Đọc, Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

Tiết theo PPCT: 86,87

DẠY ĐỌC

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TRUYỆN TRINH THÁM**

**CHIẾC MŨ MIỆN DÁT ĐÁ BE-RÔ**

**(A-thơ Cô-nan Đoi-lơ)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Tôn trọng sự thật, có tinh thần đấu tranh cho lẽ phải trong cuộc sống.

**II. KIẾN THỨC**

- Khái niệm truyện trinh thám.

- Một số đặc điểm của truyện trinh thám: Không gian, thời gian, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, nhân vật chính, lời người kể chuyện, lời đối thoại, lời độc thoại nội tâm.

- Cách đọc VB truyện trinh thám theo đặc điểm của thể loại.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:***

- Bước đầu nhận ra được ý nghĩa của chủ điểm.

- Xác định được thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học

**c*. Sản phẩm***:

- Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

- Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1:  + Gv tổ chức trò chơi “Nhìn hình đoán nhân vật”  Conan Edogawa | Detective conan Wiki | FandomSherlock Holmes - Der Meisterdetektiv » Worte Spielen NotenHercule Poirot Agatha Christie's Poirot Lord Peter Wimsey Miss Marple,  detective, hat, detective png | PNGEgg  + Chỉ ra điểm chung của 3 nhân vật?  - Cách 2:  + Tên chủ điểm *Hành trình khám phá sự thật* gợi cho em suy nghĩ gì?  + Nêu tên một truyện trinh thám mà em biết?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày ý kiến, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp các ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học. | Gợi ý:  - Cách 1: Edogawa Conan, Sherlock Holmes, Hercule Poirot.  🡪 Các nhân vật trong truyện trinh thám.  - Cách 2:  + Tên chủ điểm gợi ra: có nhiều sự thật còn bị che lấp, chưa được phơi bày, để khám phá được sự thật không phải là việc đơn giản, ngày một ngày hai có thể làm mà đó là một hành trình.  + Một số truyện trinh thám:  . Mật mã Da Vinci – Dan Brown.  . Sherlock Holmes – (A-thơ Cô-nan Đoi-lơ)  . Phía sau Nghi can X - Higashino Keigo.  . Hỏa ngục - Dan Brown.  .... |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** HS nhận biết nhiệm vụ học tập.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về nhiệm vụ học tập

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc ba chấm tròn đầu tiên trong khung *Yêu cầu cần đạt;* đọc lướt tên các VB 1, 2, 3, 4 trong chủ điểm và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ học tập chính của các em về *Đọc* ở bài học này là gì? Việc đọc hiểu các VB nào sẽ giúp em thực hiện được các nhiệm vụ đó?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 đến 3 HS trả lời, HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về câu trả lời của HS và kết luận | - Qua việc đọc VB 1 *(Chiếc mũ miện dát đá be-rô),* VB 2 *(Ngôi mộ cổ),* VB *Đọc mở rộng theo thể loại (Kẻ sát nhân lộ diện),* chúng ta sẽ học được kĩ năng đọc truyện trinh thám.  - Qua việc đọc VB *Đọc kết nối chủ điểm (Cách suy luận),* chúng ta sẽ hiểu thêm về chủ điểm *Hành trình khám phá sự thật,* đồng thời có thêm thông tin để trả lời câu hỏi lớn đầu bài học: *Để khám phá sự thật, cần có những phẩm chất và kĩ năng gì?* |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn***

**1.1. Hoạt động khởi động**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền về truyện

**b. Nội dung:** Hs trả lời câu hỏi

**c*****. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về truyện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Kể tên một số VB truyện mà em đã học ở lớp 6, lớp 7, lớp 8 và học kì I của lớp 9. Những truyện đó có các đặc điểm chung nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 nhóm HS phát biểu, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Tổng hợp ý kiến của các nhóm, GV nhắc lại một số truyện mà HS đã học ở các lớp dưới | Gợi ý:  - Một số truyện đã học: *Thánh Gióng, Sọ Dừa* (lớp 6), *Tuổi thơ tôi, Dòng “Sông Đen”* (lớp 7), *Vắt cổ chày ra nước* (lớp 8), *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện Lục Vân Tiên* (lớp 9),...  - Một số đặc điểm của truyện: Có nhân vật, sự kiện, cốt truyện, lời người kể chuyện,... |

**1.2. Hoạt động tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn:* Đặc điểm thể loại truyện trinh thám**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về tri thức đọc hiểu

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS, phần ghi chú và nêu câu hỏi của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Các nhóm đọc phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK và thực hiện các nhiệm vụ:  - Thế nào nào truyện trinh thám? Truyện trinh thám có đặc điểm gì về mặt nội dùng?  - Hoàn thành **PHT số 1** để tìm hiểu về các yếu tố của truyện trinh thám.  - Hoàn thành **PHT số 2** để tìm hiểu về lời thoại trong truyện trinh thám   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lời người kể chuyện** | **Lời đối thoại** | **Lời độc thoại nội tâm** | | … | … | … | | **I. Tri thức Ngữ văn**  - Truyện trinh thám là thể loại truyện kể lại quá trình tìm kiếm sự thật về một vụ án. Dựa vào những manh mối ban đầu, người điều tra (thám tử, cảnh sát,...) từng bước khám phá sự thật.  - Về nội dung, truyện phải có: (1) một vụ việc đã xảy ra và thủ phạm còn giấu mặt; (2) một cuộc điều tra được tiến hành chủ yếu bởi các thám tử và/ hoặc nhân vật bị tình nghi là thủ phạm.  - Không gian: là nơi diễn ra hoặc lưu giữ các manh mối về vụ án (dấu vết, tung tích của tội phạm, của nạn nhân hoặc những người liên quan,...). Đó cũng là không gian diễn ra các hoạt động điều tra, khám phá những sự thật về vụ án.  - Thời gian: là thời gian diễn ra các hoạt động điều tra, từ lúc khởi đầu cuộc điều tra cho đến khi các nhà điều tra chính thức đưa ra bằng chứng, những phân tích, lí giải thuyết phục và kết luận về vụ án. Thời gian này thường có giới hạn trong một vài tuần hoặc vài ngày, thậm chí vài giờ. Điều này mang lại những thách thức cho nhân vật chính trong quá trình khám phá vụ án.  - Cốt truyện, sự kiện: Cốt truyện của truyện trinh thám xoay quanh quá trình điều tra, làm sáng tỏ vụ án:  Soạn bài Tri thức ngữ văn trang 31 Tập 2 | Hay nhất Soạn văn 9 Chân trời sáng tạo  Những bí mật về thủ phạm được giữ kín đến cùng, tạo nên sự hấp dẫn, khiến người đọc luôn luôn ở trong trạng thái căng thẳng.  - Chi tiết: Chi tiết trong truyện trinh thám là loại chi tiết gắn với các tình huống có tác dụng gợi mở phán đoán đối với hoạt động điều tra. Mỗi chi tiết ấy như một bằng chứng hoặc một manh mối quan trọng trong quá trình điều tra.  - Nhân vật, nhân vật chính: Truyện trinh thám thường có những kiểu nhân vật quen thuộc: kẻ gây án giấu mặt, nạn nhân, cảnh sát, thám tử,... trong đó, nhân vật chính là thám tử (chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư) - người có kĩ thuật điều tra vượt trội, đồng thời có khả năng quan sát tinh tường, khả năng phân tích, suy luận, đánh giá sắc bén.  - Lời người kể chuyện: Trong truyện trinh thám, lời của người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất) gồm lời kể, miêu tả, phân tích, bình luận thường được kết hợp với lời của các nhân vật khác, nhất là lời của nhân vật thám tử, nhằm tái hiện một cách sinh động, hấp dẫn quá trình điều tra, khám phá vụ án.  - Lời đối thoại trong truyện trinh thám thường góp phần mở ra các manh mối cho cuộc điều tra.  - Lời độc thoại nội tâm trong truyện trinh thám được sử dụng nhằm thể hiện diễn biến tâm lí của nhân vật, nhất là nhân vật thám tử. |

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: Chiếc mũ miện dát đá be-rô**

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi ở mục Chuẩn bị đọc

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu hỏi *Chuẩn bị đọc*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Nêu hiểu biết về công việc của một thám tử.  *-* Theo em, một thám tử cần có những phẩm chất nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Hai HS trao đổi với nhau để tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học. | - Công việc của một thám tử: thực hiện các hoạt động điều tra, theo dõi, giám sát, xác minh các vụ việc một cách độc lập theo yêu cầu.  - Phẩm chất cần có ở một thám tử: sự thông minh, kiên trì, sự suy luận, nhạy bén, tinh tường,... |

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-*HS đọc VB và tự đánh giá theo bảng kiểm kĩ năng đọc, tự ghi chép và trả lời câu hỏi trong SGK theo   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** | | Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ |  |  | | Ngắt giọng phù hợp, thể hiện đúng nhịp điệu câu văn |  |  | | Thể hiện được các trạng thái, cảm xúc của các nhân vật |  |  |   **PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | Dự đoán: Điều gì đã xảy ra với Me-ry? |  | | Suy luận: Dựa vào đâu mà Hôm khẳng định điều này? |  |   - Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 4**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc VB, ghi chép ý chính, từ khoá, ý tưởng và tìm câu trả lời cho câu hỏi Theo dõi, Suy luận trong SGK.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trình bày kết quả trả lời hai câu hỏi Theo dõi, Suy luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS và bổ sung | **2.2.1 Đọc**  - Cách đọc: Khi đọc, HS cần chú ý thể hiện được cảm xúc, tính cách của nhân vật, đặc biệt là quá trình phá án của nhân vật thám tử; không bỏ từ, thêm từ; thể hiện đúng nhịp điệu câu văn, ngắt giọng phù hợp…  ­- Chiến lược đọc:   |  |  | | --- | --- | | **Chiến lược đọc.** | **Nội dung** | | Dự đoán: Điều gì đã xảy ra với Me-ry? | Me-ry có thể đã bỏ rơi người ông của mình. | | Suy luận: Dựa vào đâu mà Hôm khẳng định điều này? | Dựa vào hắn là một trong những kẻ nham hiểm nhất nước Anh - một con bạc đã phá sản, một gã côn đồ liều mạng, một con người không có trái tim hoặc lương tâm. Cháu gái của ông chủ nhà băng không hay biết gì về con người đó và còn nhiễm thói gặp gỡ hắn gần như mỗi đêm. |     **2.2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - A-thơ Cô-nan Đoi-lơ (1859-1930) là nhà văn người Xcốt-len (Scotland).  - Ông sáng tác ở nhiều thể loại như: tiểu thuyết lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện ngắn, kịch,...  - Ông nổi tiếng trên toàn thế giới với truyện trinh thám, trong đó nhân vật chính là Sơ-lốc Hôm. Sơ-lốc Hôm đã xuất hiện trong 4 tiểu thuyết và 56 truyện ngắn của Cô-nan Đoi-lơ. Một số truyện trinh thám nổi bật của ông: Cuộc điều tra màu đỏ (1887), Dấu bộ tứ (1890), Những cuộc phiêu lưu của Sơ-lốc Hôm (1892), Những hồi ức về Sơ-lốc Hôm (1894),...  - Ở Luân Đôn (Anh) có bảng tàng Sơ-lốc Hôm được thành lập với mục đích tưởng nhớ vị nhân vật thám tử hư cấu nổi tiếng này.  **b. Tác phẩm**  - Chiếc mũ miện dát đá be-rô  là một truyện ngắn thuộc thể loại trinh thám của A-thơ Cô-nan Đoi-lơ, lần đầu tiên được xuất bản trên nhiều tờ báo của Hoa Kỳ năm 1892.  - Đây là câu chuyện thứ 13 về thám tử Sơ-lốc Hôm được in trong tập Những cuộc phiêu lưu của Sơ-lốc Hôm (1892). |

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

***2.3.1. Tìm hiểu nội dung bao quát và cốt truyện***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết cốt truyện và nêu được nội dung bao quát của đoạn trích.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 1 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Thảo luận nhóm đôi, thực hiện hai nhiệm vụ sau:  - Đọc sơ đồ 1 và xác định đoạn trích trong SGK thuộc phần nào của truyện?  - Đọc đoạn trích và nêu nội dung bao quát của đoạn trích.  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:* 4 - 5 HS/ nhóm thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trả lời câu hỏi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV bổ sung câu trả lời của HS | **2.3.1. Tìm hiểu nội dung bao quát và cốt truyện**  - Đoạn trích trong SGK thuộc phần 8 của truyện.  - Đoạn trích tái hiện lại toàn cảnh vụ trộm chiếc mũ miện ở nhà Hôn-đơ theo lời kể của Hôm. |
| **Sơ đồ 1**  *1. Một nhà quý tộc vay ông chủ nhà băng Hôn-đơ 50 000 bảng và để lại chiếc mũ miện làm vật tín chấp*  *5. 2 giờ sáng, Hôn-đơ bị đánh thức bởi tiếng động và thấy A-thơ đang cầm chiếc mũ miện đã bị mất ba viên đá*  *2. Hôn-đơ đem chiếc mũ về nhà, cất*  *ở phòng thay đồ và nói cho con trai*  *A-thơ, cháu gái Me-ry biết*  *6. Hôn-đơ báo cảnh sát. Cảnh sát không tìm thấy ba viên đá và bắt giam A-thơ*  *3. A-thơ (đam mê cờ bạc) hỏi xin cha 200 bảng nhưng Hôn-đơ không*  *đồng ý*  *7. Hôn-đơ thuê thám tử Sơ-lốc Hôm*  *điều tra*  *4. Trước khi đi ngủ, Hôn-đơ thấy Me-ry đóng cửa, cô nói rằng cô thấy*  *Lu-xi (cô hầu) ra ngoài bằng lối cửa*  *sau để gặp ai đó*  *8. Thám tử Hôm điều tra và tìm ra thủ phạm là Me-ry và Gioóc Bơn-queo, lấy lại ba viên đá quý cho Hôn-đơ*  . | |

***2.3.2. Tìm hiểu các chi tiết, sự kiện, không gian, thời gian***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 4,5 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** PHT số 5 vàcâu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv chia lớp thành các nhóm  - Nhóm chẵn: Thảo luận và hoàn thành **PHT số 5** để tìm hiểu về các chi tiết, sự kiện.  - Nhóm lẻ: Thảo luận và hoàn thành **PHT số 6** để tìm hiểu về không gian, thời gian.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng | **2.3.2. Tìm hiểu các chi tiết, sự kiện, không gian, thời gian**  - Chi tiết, sự kiện: PHT số 5  - Không gian, thời gian:  + Không gian: Vụ án xảy ra trong khuôn viên gia đình Hôn-đơ.  + Thời gian vụ án xảy ra trong đêm có tuyết rơi, tang vật của vụ án là chiếc mũ miện quý giá được một người đàn ông quý tộc dùng làm vật tín chấp trong một thời gian ngắn để vay một số tiền lớn.  🡪 Những yếu tố trên đã tác động mạnh đến quá trình điều tra của Hôm, cụ thể là giúp Hôm khoanh vùng điều tra trong khuôn viên gia đình Hôn-đơ, đồng thời buộc Hôm phải tìm ra thủ phạm trong thời gian ngắn nhất, nếu không những dấu chân sẽ bị tuyết rơi hoặc tuyết tan làm mất đi và uy tín của ông chủ nhà băng Hôn-đơ sẽ bị ảnh hưởng nặng nề, thậm chí ngân hàng của ông có thể bị phá sản. |
| **PHT số 5**   |  |  | | --- | --- | | **Một số chi tiết - manh mối**  **của vụ án** | **Ý nghĩa của chi tiết đối với việc**  **phá án** | | … | … | | … | … |   **Gợi ý PHT số 5**   |  |  | | --- | --- | | **Một số chi tiết - manh mối của vụ án** | **Ý nghĩa đối với việc phá án** | | Ông Hôn-đơ cho con trai A-thơ và cháu gái Me-ry biết chỗ cất giấu chiếc mũ. | Thủ phạm chỉ có thể là A-thơ hoặc Me-ry. | | A-thơ si mê Me-ry nhưng Me-ry không đáp lại tình cảm của A-thơ. | A-thơ có thể sẽ bênh vực Me-ry nếu phát hiện Me-ry phạm tội. | | A-thơ mê cờ bạc và đang nợ nần, giao du với Gioóc Bơn-queo. | A-thơ cần tiền nên có thấy lấy cắp chiếc mũ miện. | | Ông Hôn-đơ phát hiện A-thơ cầm trên tay chiếc mũ miện bị cong. | Chiếc mũ miện bị cong có thể là do A-thơ giành giật với ai đó. | | Me-ry bỏ nhà ra đi và để lại lá thư, trong đó có câu “Bác đừng lo lắng về tương lai của cháu vì nó đã được lo liệu đầy đủ”. | Ai sẽ lo liệu đầy đủ cho tương lai của cô và lo liệu dựa trên nguồn tiền nào? | | Những dấu chân của ai đó in trên tuyết. | Dấu chân đó có thể là của kẻ đã lấy trộm chiếc mũ. | | |

***2.3.3. Tìm hiểu nhân vật, nhân vật chính, lời nhân vật, lời người kể chuyện***

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 3, 5, 6 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhân vật, nhân vật chính, lời nhân vật, lời người kể chuyện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm 4-6 các câu hỏi:  - Nhân vật Sơ-lốc Hôm thể hiện những đặc điểm gì của nhân vật chính trong truyện trinh thám? Làm rõ ý kiến của em bằng những chi tiết trong văn bản.  - Xác định đâu là lời của người kể chuyện, đâu là lời của nhân vật và tác dụng của chúng trong đoạn trích sau:  *Không biết là mấy giờ anh mới về, nhưng sáng hôm sau, khi tôi xuống nhà để dùng bữa điểm tâm thì anh đã có mặt ở đó, một tay cầm tách cà phê còn tay kia cầm tờ báo, trông rất tươi tỉnh và gọn gàng.*  *“Xin lỗi vì đã bắt đầu bữa sáng mà không đợi anh, Oát-sân”, anh nói, “nhưng anh hãy nhớ rằng ta có một cái hẹn khá sớm với thân chủ của ta vào sáng nay”.*  *-* Câu chuyện được kể lại bằng lời của ai? Nhận xét về việc sử dụng lời kể của nhân vật này đối với nội dung câu chuyện.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng  \****Lưu ý:*** Dùng dấu ngoặc kép để phân định lời đối thoại giữa hai nhân vật mà không dùng dấu gạch đầu dòng như các truyện khác là cách thể hiện đối thoại giữa các nhân vật của nhà văn Cô-nan Đoi-lơ trong truyện này.  **NGUYEN NHAM 0981713891-359** | **2.3.3. Tìm hiểu nhân vật, nhân vật chính, lời nhân vật, lời người kể chuyện**  \* **Nhân vật:**  -Nhân vật Sơ-lốc Hôm thể hiện đầy đủ các đặc điểm của nhân vật trong truyện trinh thám:  + Kĩ thuật điều tra vượt trội.  + Khả năng quan sát tinh tường, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào.  + Khả năng lập luận, đánh giá sắc bén.  - Một số chi tiết tiêu biểu thể hiện các đặc điểm này:  + Chi tiết Me-ry bỏ đi và để lại lá thư: Trong khi Hôn-đơ lo lắng việc Me-ry có thể tự tử thì Hôm khẳng định việc Me-ry trốn đi là “*giải pháp tốt nhất*” cho cô ta bởi ông đã nhận ra sự bất thường trong hành động của Me-ry: được bác tin tưởng đến mức cho biết cả chỗ giấu chiếc mũ miện nhưng khi chiếc mũ bị mất thì đột ngột bỏ đi. Vậy, người lấy chiếc mũ miện có thể là Me-ry.  + Hôm quan sát rất kĩ các dấu chân in sâu trên tuyết ở cửa và những dấu chân để lại trên đường: Hôm suy luận rằng có một kẻ nào đó đã thông đồng với Me-ry và Me-ry đã lấy mũ miện đưa cho hắn.  + Việc A-thơ giao du với nhóm Huân tước Bơn-queo cũng là chi tiết mà Hôm không bỏ qua. Ông đã điều tra về thân thế, tính cách của Bơn-queo, mua lại chếc giày của Bơn-queo và đem ướm vào dấu giày trong vườn nhà Hôn-đơ; việc Bơn-queo đã từng đến nhà Hôm, việc Me-ry từ chối tình yêu của A- thơ đã giúp Hôm suy luận về mối quan hệ giữa Me-ry và Bơn-queo, khẳng định những dấu chân ở cửa là của Bơn-queo, những dấu chân trên đường là dấu chân của Bơn-queo và của A-thơ khi anh chạy đuổi theo Bơn-queo.  + Chi tiết chiếc mũ miện bị bẻ cong cho thấy nó đã bị giằng co giữa hai người: A-thơ và Bơn-queo khi A-thơ đuổi theo Bơn-queo để giành lại chiếc mũ miện.  + Kết nối việc A-thơ chứng kiến Me-ry lấy trộm mũ miện nhưng không nói với cha mình với việc A-thơ si mê Me-ry nhưng không được đáp lại đã giúp Hôm kết luận: Vì giận cha đã nghi oan cho mình và vì hào hiệp, A-thơ đã không nói với cha thủ phạm lấy cắp chiếc mũ miện.  🡪 Có thể nói, khả năng quan sát, điều tra kĩ lưỡng, không bỏ sót bất cứ một tiểu tiết nào cùng với tài suy luận, phán đoán chính xác đã giúp Hôm nhanh chóng tìm ra thủ phạm của vụ án. \*  **\* Lời người kể chuyện, lời nhân vật**  - Lời người kể chuyện: *Không biết là mấy giờ anh mới về, nhưng sáng hôm sau, khi tôi xuống nhà để dùng bữa điểm tâm thì anh đã có mặt ở đó, một tay cầm tách cà phê còn tay kia cầm tờ báo, trông rất tươi tỉnh và gọn gàng; anh nói.*  - Lời của nhân vật (lời của nhân vật Hôm): *“Xin lỗi vì đã bắt đầu bữa sáng mà không đợi anh, Oát-sân”; “nhưng anh hãy nhớ rằng ta có một cái hẹn khá sớm với thân chủ của ta vào sáng nay “.*  **\* Người kể** **chuyện**  - Câu chuyện được kể bằng lời của bác sĩ Oát-sân, bạn của thám tử Hôm, một nhân vật trong truyện và là người chứng kiến toàn bộ quá trình phá án của Hôm.  - Việc sử dụng ngôi kể này (ngôi thứ nhất, xưng “tôi”) có tác dụng làm tăng tính chân thực cho câu chuyện. |

**2.4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Khái quát đặc điểm truyện trinh thám

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  - Em khái quát đặc điểm truyện trinh thám qua văn bản *Chiếc mũ miện dát đá be-rô*  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận*  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét về sơ đồ của các nhóm và lưu ý cách đọc truyện truyền kì | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**  - Nội dung: Câu chuyện kể về sự việc chiếc mũ dát đá bị mất trộm. Từ đó thể hiện tài năng phá án của Sơ-lốc Hôm và tầm quan trọng của lòng tin, sự tha thứ giữa người với người.  - Nghệ thuật:  **+** Sử dụng các tình tiết gây bất ngờ.  +Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật.  + Ngôn ngữ trinh thám hấp dẫn, lôi cuốn.  **2. Khái quát đặc điểm truyện trinh thám qua văn bản *Chiếc mũ miện dát đá be-rô*** |
| **PHT số 7**  **Tóm tắt đặc điểm của truyện trinh thám**  Điền vào bảng sau những đặc điểm của thể loại truyện trinh thám (cột 1), sự thể hiện những đặc điểm đó trong VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô* (cột 2):   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điêm của truyện trinh thám** | **Thể hiện qua VB**  ***Chiếc mũ miện dát đá be-rô*** | | Không gian, thời gian: …………….............. | … | | Cốt truyện, sự kiện: ……………………...... | … | | Chi tiết: ………………………………......... | … | | Nhân vật chính: ………………………….... | … | | Lời người kê chuyện: ……………………... | … |   **Gợi ý PHT số 7**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của truyện trinh thám** | **Thể hiện qua VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô*** | | Không gian, thời gian | - Không gian xảy ra vụ án: Khuôn viên gia đình Hôn- đơ.  - Thời gian xảy ra vụ án: Trong một đêm có tuyết rơi Những điều này buộc Hôm phải tìm ra thủ phạm trong thời gian ngắn nhất, nếu không những dấu chân sẽ bị tuyết rơi hoặc tuyết tan làm mất đi. | | Cốt truyện, sự kiện | - Cốt truyện xoay quanh quá trình truy tìm chiếc mũ miện bị mất.  - Sự kiện:  + Ông Hôn-đơ bị mất chiếc mũ miện của một khách hàng gửi làm vật tín chấp tại ngân hàng.  + Hôn-đơ nhờ Hôm điều tra.  + Hôm gửi lại cho ông Hôn-đơ những viên đá quý bị mất và kể lại quá trình phá án của mình. | | Chi tiết | Một số chi tiết quan trọng giúp làm sáng tỏ vụ án:  - Ông Hôn-đơ cho con trai A-thơ và cháu gái Me-ry biết chỗ cất giấu chiếc mũ.  - A-thơ si mê Me-ry nhưng Me-ry không đáp lại tình cảm của A-thơ.  - A-thơ mê cờ bạc và đang nợ nần, giao du với Gioóc Bơn-queo.  - Ông Hôn-đơ phát hiện A-thơ cầm trên tay chiếc mũ miện bị cong.  - Me-ry bất ngờ bỏ đi và lá thư xin lỗi của cô cho thấy khả năng cô liên quan đến vụ trộm.  - Các dấu chân in sâu trên tuyết ở cửa và những dấu chân để lại trên đường. | | Nhân vật chính | Sơ-lốc Hôm, nhân vật hội tụ đầy đủ các đặc điểm của người thám tử trong truyện trinh thám: Kĩ thuật điều tra vượt trội, khả năng quan sát tinh tường, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào, khả năng lập luận, đánh giá sắc bén. | | Lời người kể chuyện | Lời người kể chuyện (nhân vật bác sĩ Oát-sân) thể hiện tiến trình dẫn dắt câu chuyện như: “Khi tôi vừa xong bữa trà chiều thì anh trở về”; “anh nói”,... | | Lời đối thoại | Lời đối thoại giữa nhân vật Hôm và ông Hôn-đơ (được đặt trong dấu ngoặc kép thay vì dấu gạch đầu dòng) đã góp phần mở ra những manh mối của vụ án. | | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Chiếc mũ đa sắc”.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Chiếc mũ đa sắc”.  Câu 1: Truyện Chiếc mũ miện dát đá be-rô kể về:  A. Vụ phá án nhanh nhất của thám tử Sơ-lốc Hôm.  B. Vụ phá án lâu nhất của thám tử Sơ-lốc Hôm.  **C.** Một trong những vụ phá án nhanh của thám tử Sơ-lốc Hôm.  D. Một trong những vụ phá án lâu nhất của thám từ Sơ-lốc Hôm  Câu 2: Ông chủ nhà băng Hôn-đơ đã mang về nhà cất giữ một chiếc mũ miện nạm bao nhiêu viên đá be-rô?  **A.** 39 viên đá be-rô.  B. 29 viên đá be-rô.  C. 19 viên đá be-rô.  D. 9 viên đá be-rô.  Câu 3: Ai là người biết nơi cất giấu chiếc mũ?  A. A-thơ và Lu-xi.  **B.** A-thơ và Me-ry.  C. Lu-xi và Me-ry.  D. Lu-xi và Giooc Bơn-queo.  Câu 4: Chiếc mũ bị mất bao nhiêu viên đá quý?  A. 5 viên.  B. 4 viên.  **C.** 3 viên.  D. 2 viên.  Câu 5: Ai là nghi can trong vụ việc này?  A. A-thơ.  B. Me-ry và A-thơ.  C. Lu-xi và Me-ry.  **D.** Lu-xi và A-thơ.  Câu 6: Thời gian xảy ra vụ án là khi nào?  **A.** Ban đêm.  B. Buổi chiều.  C. Buổi sáng.  D. Buổi trưa.  Câu 7: Vụ án xảy ra ở đâu?  **A.** Tại nhà của Giooc Bơn-queo.  B. Tại nhà của Hôm.  C. Tại ngân hàng.  D. Tại nhà của ông Hôn-đơ.  Câu 8: Câu chuyện được kể bằng lời của ai?  A. Sơ-lốc Hôm.  **B.** Bác sĩ Oát-sân.  C. Me-ry.  D. Ông Hôn-đơ.  Câu 9: Vì sao Hôm có thể tìm ra thủ phạm?  A. Nhờ sự giúp đỡ của bác sĩ Oát-sân.  B. Nhờ sự giúp đỡ của Lu-xi.  C. Nhờ thẩm vấn Giooc Bơn-queo.  **D.** Nhờ quan sát kĩ các giấu chân, giấu giày trên tuyết.  Câu 10: Chi tiết: “Holmes đi khắp khu vườn, nhưng anh chỉ tìm thấy ở đó những dấu chân loạn xạ khắp nơi: anh cho đó là những dấu chân của các cảnh sát. Trái lại, khi đi theo lối đi dẫn đến chuồng ngựa, anh đã khám phá được cả một câu chuyện rất dài và phức tạp: chính những dấu chân còn in rõ mồm một trên tuyết đã kể cho anh biết.” thể hiện đặc điểm gì của nhân vật Sơ-lốc Hôm?  A. Tư duy độc lập.  B. Kiến thức uyên bác.  **C.** Khả năng quan sát tỉ mỉ.  D. Khả năng suy luận logic.  Câu 11: Chi tiết nào cho thấy Hôm là một người có kiến thức uyên bác?  **A.** Holmes lấy ra một mảnh giấy nhỏ, nhỏ một giọt hóa chất lên đó và mỉm cười: "Đây là một loại mực đặc biệt, chỉ có thể nhìn thấy dưới ánh sáng tia cực tím.”  B. Holmes dũng cảm đối mặt với George Burnwell, một tên tội phạm nguy hiểm.  C. Holmes không tin vào những lời khai của Arthur và Mary. Anh quyết định tự mình điều tra vụ án."  D. Có hai loại dấu chân song song với nhau: dấu chân của người mang giày và dấu chân của người đi chân không. Những dấu chân trần này chỉ có thể là của con trai ông. Lần theo những dấu chân đó về phía ngôi nhà, anh đi đến chiếc cửa sổ lớn: ở đó anh thấy dấu chân của người mang giày in rất sâu xuống lớp tuyết, chứng tỏ người đó đã đứng đây một lúc khá lâu, có lẽ là để chờ đợi.  Câu 12: Vì sao nói Hôm là một người có lòng dũng cảm?  A. Hôm không phụ thuộc vào những bằng chứng hiển nhiên mà luôn tìm kiếm sự thật ẩn sau những hiện tượng.  B. Hôm có kiến thức về nhiều lĩnh vực, như: hóa học, y học, tâm lý học giúp Holmes phân tích vụ án một cách khoa học và chính xác.  **C.** Hôm không ngại đối mặt với nguy hiểm để tìm ra sự thật. Hôm đã dũng cảm đối mặt với George Burnwell, một tên tội phạm nguy hiểm.  D. Hôm dựa vào các chi tiết thu thập được để suy luận ra logic của vụ án. Hôm đã suy luận chính xác rằng Me-rylà kẻ đã đánh cắp vương miện theo yêu cầu của Jooc Bơn-queo.  Câu 13: Các yếu tố thời gian có tác động như thế nào đến quá trình phá án của Holmes?  A. Yếu tố thời gian tạo áp lực cho Holmes và buộc anh phải nhanh chóng thu thập thông tin và tìm ra manh mối.  B. Yếu tố thời gian khiến Holmes chủ quan và bỏ qua các dấu vết quan trọng.  C. Yếu tố thời gian làm cho Holmes quyết định từ bỏ vụ án và chuyển sang vụ khác.  D. Yếu tố thời gian không có ảnh hưởng đáng kể đến Holmes trong quá trình phá án.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs thực hiện yêu cầu ở câu hỏi số 7, SGK

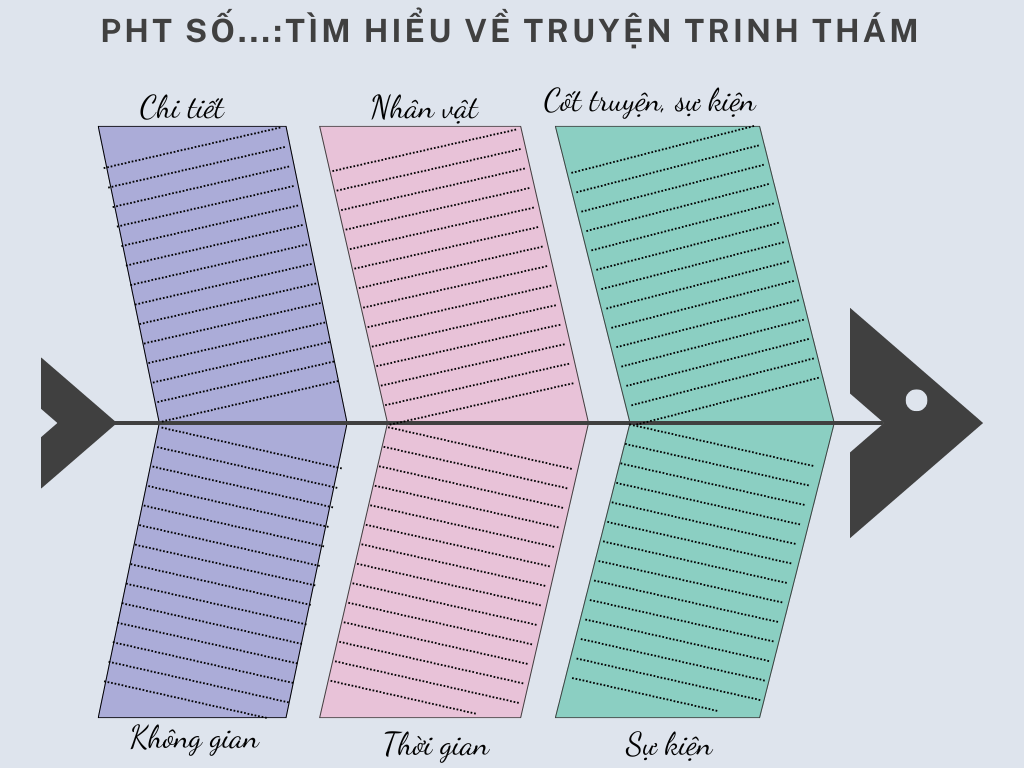
***c. Sản phẩm:*** Sản phẩm của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

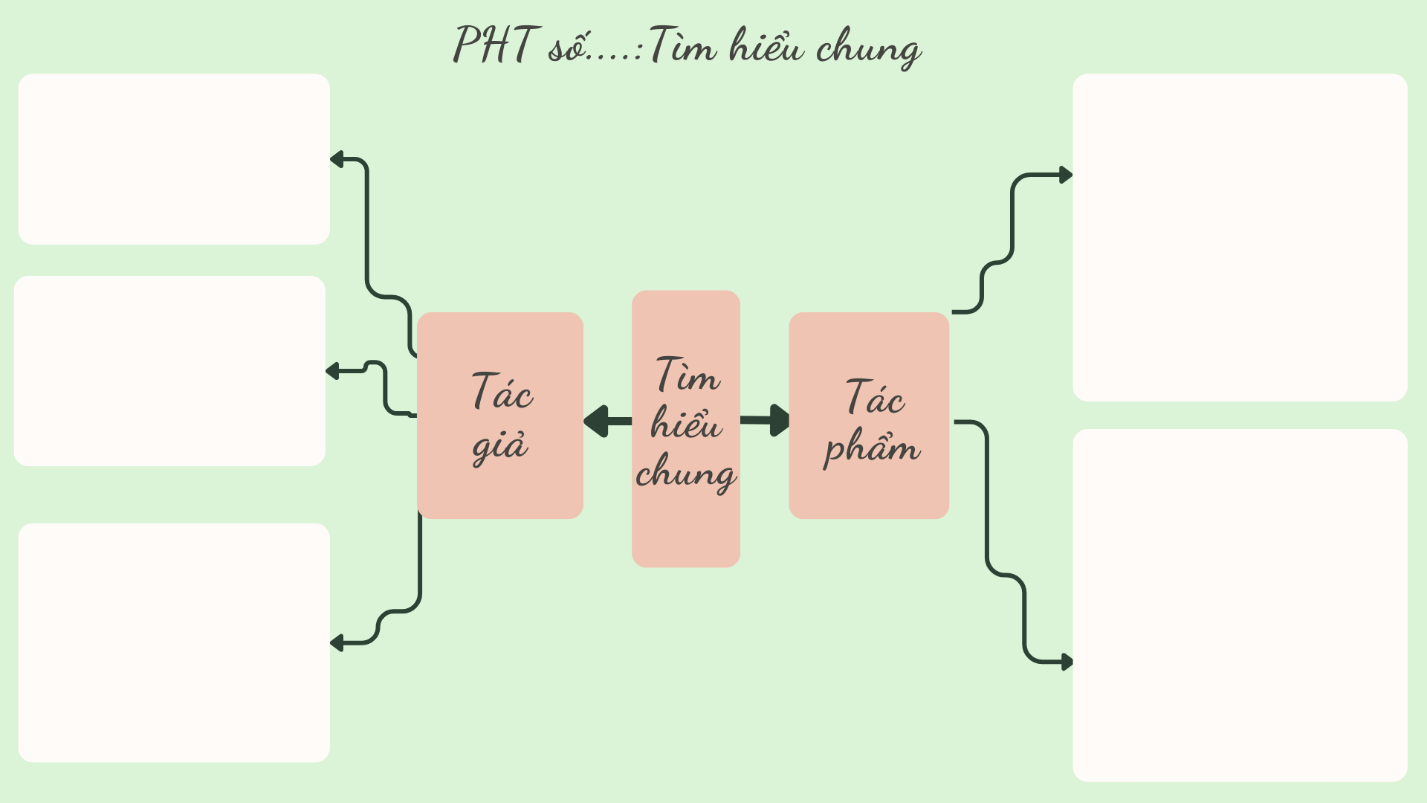
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Thám tử Sơ-lốc Hôm cho rằng A-thơ là chàng trai cao thượng, hào hiệp vì đã giấu cha về việc thấy Me-ry lấy chiếc mũ miện để đưa cho Gioóc Bon-queo. Em có đồng ý với nhận xét đó hay không? Vì sao?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* GV mời một số HS đại diện cho hai nhóm tranh luận với nhau.  *\* Kết luận, nhận định:* Đây là câu hỏi mở, sẽ có các câu trả lời khác nhau tùy vào góc nhìn, quan điểm của từng HS, điều quan trọng là HS lập luận, lí giải được cho quan điểm của mình. Vì thế, GV không nên áp đặt câu trả lời. GV cũng cần chia sẻ với HS quan điểm của chính mình để góp phần định hướng cho các em. | Gợi ý:  - Đồng tình vì: có thể xem hành động này là cao thượng và hào hiệp vì A-thơ đã bảo vệ Me-ry khỏi rắc rối.  - Không đồng tình vì: có thể A-thơ đã hành động vì những lý do khác, như sợ hãi, lo lắng hoặc thiếu tự tin. |

**V. PHỤ LỤC**

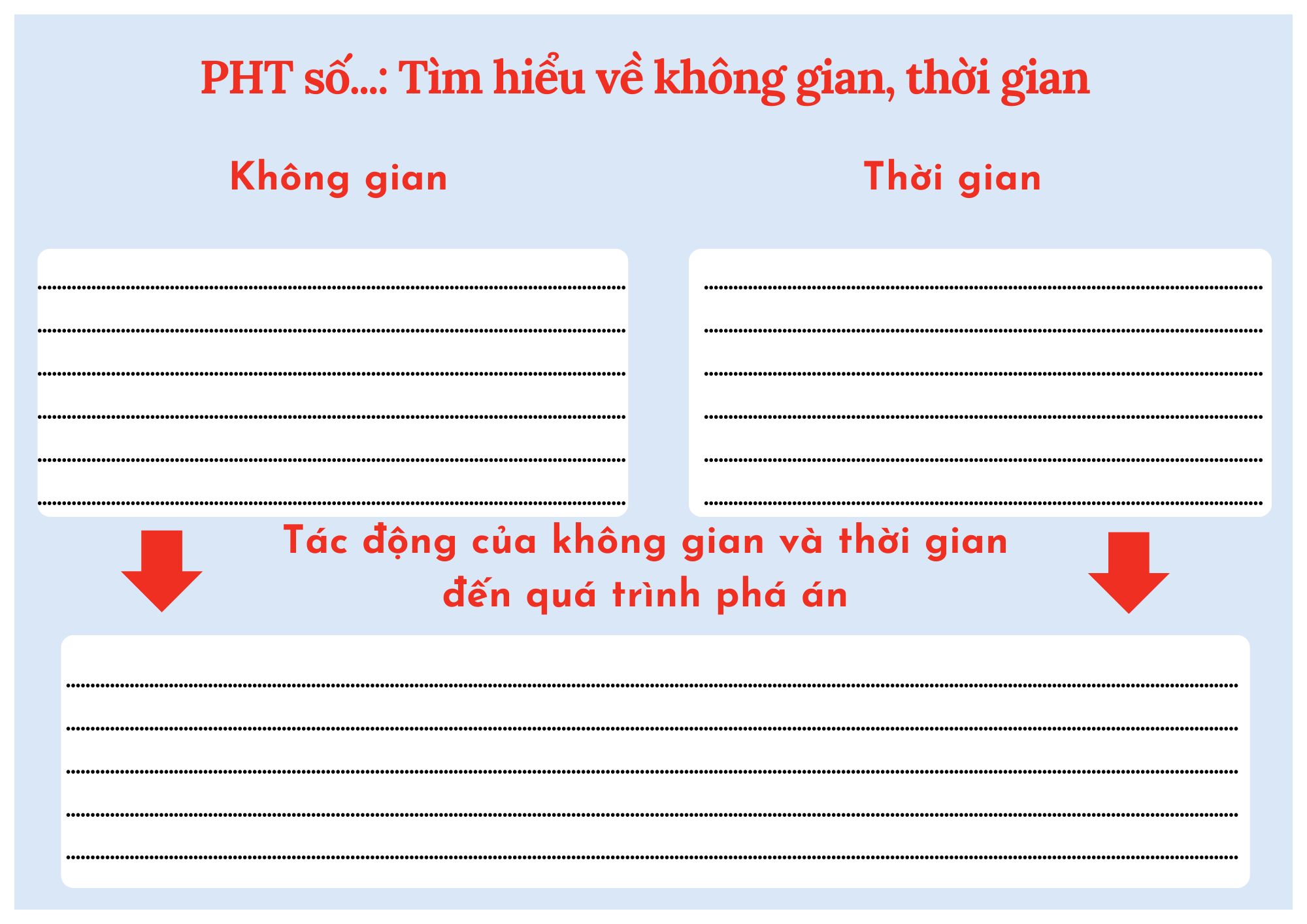
**PHT số 1**

****

**PHT số 4**

****

**PHT số 6**

****

Bài 7: HÀNH TRÌNH KHÁM PHÁ SỰ THẬT

**(Truyện trinh thám - 13 tiết)**

(Đọc, Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

Tiết theo PPCT: 88,89

DẠY ĐỌC

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TRUYỆN TRINH THÁM**

**NGÔI MỘ CỔ**

**(Phạm Cao Củng)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Tôn trọng sự thật, có tinh thần đấu tranh cho lẽ phải trong cuộc sống.

**II. KIẾN THỨC**

- Khái niệm truyện trinh thám.

- Một số đặc điểm của truyện trinh thám: Không gian, thời gian, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, nhân vật chính, lời người kể chuyện, lời đối thoại, lời độc thoại nội tâm.

- Cách đọc VB truyện trinh thám theo đặc điểm của thể loại.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Hệ thống hoá các sự kiện đã xảy ra trước đoạn trích *Ngôi mộ cổ.*

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi phần chuẩn bị đọc

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Hs xem video và cho biết nội dung video nói tới vấn đề gì? Theo em, vấn đề này ngày nay còn hấp dẫn hay không?  <https://www.youtube.com/watch?v=lYcg47-vUFA>  - Cách 2: Các nhóm HS đọc khung tóm tắt VB trong SGK và sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự để nhớ lại hành trình tìm kiếm kho báu của anh em nhà họ Đặng và thám tử Kỳ Phát.    *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và sắp xếp thông tin đúng trong trò chơi *Đường đến ngôi mộ cổ*.    *\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm HS trao đổi tờ kết quả, GV chiếu/ công bố đáp án, các nhóm thực hiện chấm chéo cho nhau (1 đáp án đúng = 1 điểm cộng).  *\* Kết luận, nhận định:* GV dẫn dắt vào bài: Truyện trinh thám lôi cuốn độc giả bởi quá trình điều tra, tìm kiếm manh mối của thám tử nhằm khám phá bí ẩn đằng sau bóng tối, làm sáng tỏ những vấn đề bí ẩn và lật tẩy tội ác của những tên tội phạm. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu vụ án trong câu chuyện **Ngôi mộ cổ**của nhà văn Phạm Cao Củng để cùng giải mã một vụ án phức tạp. |  |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:***

-Vận dụng kĩ năng đọc đã học ở lớp trước như *Theo dõi, Đọc quét* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

-Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Trải nghiệm cùng VB.*

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Hs đọc phù hợp với tốc độ đọc và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi, kĩ năng đọc trong SGK.  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện lần lượt hai nhiệm vụ học tập  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt, bổ sung ý kiến cho HS | **1.1. Đọc**  - Cách đọc: Khi đọc, HS cần chú ý thể hiện được cảm xúc, tính cách của nhân vật, đặc biệt là quá trình phá án của nhân vật thám tử.  - Câu hỏi trong thẻ chỉ dẫn:  Dự đoán: Dụng ý của Kỳ Phát khi đọc to bài thơ này là gì?  Trả lời: Bài thơ ẩn chứa lời hứa hẹn về kho báu vô giá. Kỳ Phát muốn khơi dậy lòng tham và sự quyết tâm của ba anh em họ Đặng để họ cùng nhau đi đến cùng.  **1.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Phạm Cao Củng (1913 2012), quê ở làng Lương Đường (sau đổi Lương Ngọc), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.  - Ông là một trong những người viết truyện trinh thám đầu tiên và có thành tựu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945.  - Là tác giả của gần 20 cuốn truyện trinh thám. Một số truyện tiêu biểu là: Vết tay trên trần (1936), Kho tàng họ Đặng (1937), Chiếc tất nhuộm bùn (1938), Nhà sư thọt (1941), Đám cưới Kỳ Phát (1942),...  - Ngoài ra, ông còn là tác giả của một số truyện võ hiệp và truyện thiếu nhi.  **b. Tác phẩm**  - Văn bản Ngôi mộ cổ là tên của chương VIII trong tác phẩm Kho tàng họ Đặng (1937) kể về hành trình đi tìm kho báu gia tộc họ Đặng của thám tử Kỳ Phát và con cháu họ Đặng. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.1.** **Tìm hiểu nội dung bao quát của văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được nội dung bao quát của VB *Ngôi mộ cổ.*

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 1 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 1 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Đọc phần tóm tắt tác phẩm Kho tàng họ Đặng và nêu nội dung bao quát của văn bản Ngôi mộ cổ.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thảo luận  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **2.1. Tìm hiểu nội dung bao quát của văn bản**  **-** *Ngôi mộ cổ* kể về hành trình thám tử Kỳ Phát cùng ba trưởng ngành nhà họ Đặng đến khu mộ cổ.  - Họ giải mã nội dung của các câu thơ trong bài thơ luật Đường (được khắc ở đáy bốn chiếc đĩa cổ mà ông tổ họ Đặng để lại), tìm thấy đường vào khu mộ để tìm kho báu của gia tộc. |

**2.2.** ***Tìm hiểu chi tiết và nhân vật***

***a. Mục tiêu:*** Phân tích được chi tiết tiêu biểu; phân tích được đặc điểm nhân vật truyện trinh thám trong tính chỉnh thể của VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 2,3 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời miệng của HS cho câu 2,3 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Chi tiết nào trong văn bản Ngôi mộ cổ có tác dụng giúp Kỳ Phát phán đoán hướng tìm kho báu?  - Hs thảo luận nhóm đôi theo **PHT số 2** để tìm hiểu về nhân vật  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ  *\* Báo cáo, thảo luận:* 4 - 6 HS trình bày sản phẩm. Các HS khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt câu trả lời của các nhóm, bổ sung. | **2.2. Tìm hiểu chi tiết và nhân vật**  **\* Chi tiết**  - Chi tiết giúp Kỳ Phát phán đoán hướng tìm kho báu: Nội dung các câu thơ trong bài thơ thất ngôn bát cú được ghép từ hai câu thơ in trên bốn chiếc đĩa cổ. Cụ thể:  + Câu thơ thứ nhất: Xác định địa điểm cất giữ kho báu (bãi bể Văn Lý).  + Câu 2, 3, 4: Bước bảy bước từ cái cây để thấy được “nguyệt lão giấu mình” và xác định được hai hướng tả - hữu từ hai cành cây đâm ra theo hai hướng đông - tây. Dùng quả dọi để xác định hướng thẳng xuống đất từ hai cành cây ấy.  + Câu 5, 6: Bước 22 bước từ cành bên đông, bước 100 giây từ cành bên tây.  + Câu 7, 8: Đánh dấu hai điểm đông - tây, nối lại với nhau, đo từ chỗ đánh dấu theo đường thẳng 100 trượng chính là lối xuống hầm mộ có kho báu.  - Trong quá trình phán đoán, Kỳ Phát lí giải đúng ý nghĩa của câu thơ khó hiểu nhất *Tây một trăm giây thẳng một dây* là đi về hướng tây trong vòng 100 giây đồng hồ.  - Để hiểu đúng được “một trăm giây” có nghĩa là giây đồng hồ, Kỳ Phát đã liên tưởng, kết nối quá trình ông tổ họ Đặng cất giấu kho báu và vai trò tư vấn, chỉ dẫn của viên cố đạo người Tây phương (lời của Kỳ Phát nói với Liên Ty: “Ông quên rằng chính Mác-cô Pô-lô một người Âu đã bầy cho Đinh Củng Viên cách giấu của này rồi ư?”).  **\* Nhân vật:** PHT số 2 |
| **PHT số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm nhân vật thám tử trong truyện trinh thám** | **Sự thể hiện ở nhân vật Kỳ Phát** | **Nhận xét chung về nhân vật Kỳ Phát** | | Kĩ thuật điều tra | … | … | | Khả năng quan sát tinh tường | … | | Khả năng phân tích, suy luận sắc bén | … |   **Gợi ý PHT số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm nhân vật thám tử trong truyện trinh thám** | **Sự thể hiện ở nhân vật Kỳ Phát** | **Nhận xét chung về nhân vật Kỳ Phát** | | Kĩ thuật điều tra vượt trội | - Điều tra sự thật việc Đặng Bá Vy giấu chiếc đĩa thứ tư, không muốn chia sẻ thông tin với anh em trong gia tộc  - Sử dụng dây quả dọi từ hai cành cây hướng đông, tây để xác định vị trí dẫn đến kho báu | - Nhân vật Kỳ Phát thể hiện những đặc điểm của một người thám tử tài năng trên các phương diện: Khả năng suy luận, phân tích, phán đoán, sự dứt khoát trong hành động,...  - Nhân vật Kỳ Phát cũng bộc lộ những phẩm chất đáng quý như: Dũng cảm, kiên trì, bền bỉ trước những thách thức, khó khăn trên hành trình đi tìm sự thật | | Khả năng quan sát tinh tường, nhạy bén | - Quan sát không gian xung quanh khu mộ cổ, ghép nối các cảnh quan thực tế (bãi bể, cây, cành cây, trăng) với các chi tiết trong bài thơ luật Đường để tìm hướng đi đến hầm mộ  - Quan sát từng dấu vết nhỏ trên đường vào hầm mộ, kể cả trong đêm tối; từ đó, Kỳ Phát biết được Bá Vy cùng đồng bọn đã đến khu mộ trước, nhờ vào vết chân còn mới mà họ để lại | | Khả năng phân tích, suy luận sắc bén | - Phân tích, giải mã được các chi tiết mơ hồ, khó hiểu trong bài thơ như: “nguyệt lão giấu mình”, “xoay tả hữu”, “chạy đông tây”, “đông hai mươi bước thêm hai bước”; nhờ vào quá trình suy luận logic mà Kỳ Phát xác định đúng đường vào hầm mộ  - Sắp xếp, tìm mối liên kết từ các chi tiết nhỏ nhất trong quá trình suy luận như: Tài sản của ông tổ họ Đặng, vai trò của viên cố đạo người Pháp và câu thơ khó hiểu “Tây một trăm giây thẳng một dây” (giây: đơn vị tính thời gian của người phương Tây) | | |

**2.3. *Tìm hiểu lời người kể chuyện, lời nhân vật và ngôi kể***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết, nêu tác dụng của lời người kể chuyện, lời nhân vật và ngôi kể được sử dụng trong VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 4, 5 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho các câu 4, 5 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm 4-6 em các nhiệm vụ  *-* Đọc đoạn thuật lại đối thoại giữa Kỳ Phát với ba anh em nhà họ Đặng về bí mật của bốn chiếc đĩa cổ và thực hiện các yêu cầu sau:  a. Nêu một số ví dụ về lời của người kể chuyện, lời của nhân vật và cho biết vì sao trong văn bản tác giả cần sử dụng cả lời của người kể chuyện lẫn lời của nhân vật.  b. Cho biết tác dụng của việc thám tử Kỳ Phát đọc to bài thơ thất ngôn bát cú.  ác định ngôi kể trong văn bản.  - Cho biết việc sử dụng ngôi kể đó có ưu thế gì so với ngôi kể khác (có thể so sánh với cách sử dụng ngôi kể trong văn bản Chiếc mũ miện dát đá be-rô).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS cùng thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* GV mời một số HS lên trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | **2.3. Tìm hiểu lời người kể chuyện, lời nhân vật và ngôi kể**  **a. Lời người kể chuyện, lời nhân vật trong cuộc đối thoại:**  - Lời người kể chuyện:  *+ Chàng bỗng tự nhiên nói.*  *+ Rồi chàng hắng giọng ngâm to bài thơ bát cú.*  *+ Kỳ Phát chạy lại gốc, cởi áo ngoài rồi leo lên thoăn thoắt. Đến chạc hai cành cây ấy thì chàng ngồi nghỉ rồi leo ra một cành.*  *+ Kỳ Phát lại trèo sang cành cây thứ hai, rồi cũng dòng chùm chìa khoá xuống, Liên Ty lại lấy que đánh dấu.*  *+ Ra dáng ngẫm nghĩ, Liên Ty đếm từ chỗ đích thứ nhất bước về phía đông hai mươi hai bước.*  *+ Kỳ Phát bèn cùng Liên Ty căng một chiếc dây thẳng nối liền hai chỗ đánh dấu.*  - Lời nhân vật:  *+ Các ông “đứng ngắm cây “ xem có thấy gì không?*  *+ Tôi để ý trăng bây giờ bị lấp sau thân cây.*  *+ Đó là “Nguyệt lão giấu mình”. Ngay chỗ bóng trăng bị lấp có hai cành cây đâm ra hai bên, hai bên tả hữu, các ông hiểu chưa? Các ông hãy nhận kĩ lấy hai cành cây ấy.*  *+ Phải rồi, cành bên đông và cành bên tây.*  *+ “Đông hai mươi bước thêm hai bước “ tôi hiểu, nhưng “Tây một trăm giây thẳng một dây “ thì tôi chịu. Một trăm giây là gì?*  *+ Là một trăm giây đồng hồ, ông quên rằng chính Mác-cô Pô-lô một người Âu đã bầy cho Đinh Củng Viên cách giấu của này rồi ư?*  - Tác dụng của việc sử dụng kết hợp lời người kể chuyện và lời nhân vật trong đoạn đối thoại trên:  + Giúp mô tả cụ thể các hành động, sự việc diễn ra, khiến người đọc như được thấy tận mắt chặng hành trình khám phá lối vào ngôi mộ cổ của Kỳ Phát và anh em nhà họ Đặng.  + Giúp thể hiện suy nghĩ, đặc biệt là thể hiện quá trình tư duy, suy luận của Kỳ Phát khi giải mã bí ẩn của bài thơ luật Đường.  + Giúp khẳng định vai trò quan trọng, mang tính định hướng, dẫn dắt của Kỳ Phát trong suốt tiến trình tìm kho báu.  **b. Việc thám tử Kỳ Phát đọc to bài thơ thất ngôn bát cú có những tác dụng:**  - Giúp những người đi tìm kho báu bám sát các thông tin, từ ngữ trong bài thơ như một tấm bản đồ dẫn đường đến kho báu. Nội dung bài thơ chính là các manh mối về hướng đi (đông, tây, thẳng), về khoảng cách (7 bước chân, 20 bước chân, 100 giây bước chân) để đến kho báu nhà họ Đặng.  - Giúp ba anh em họ Đặng cùng tham gia giải mã bí ẩn của bài thơ với Kỳ Phát. Chàng đọc to bài thơ cho mọi người nghe để cùng suy ngẫm, liên kết các chi tiết thực tế trong không gian trước mắt, xác định đường đi.  - Giúp tăng sự hứng thú, kịch tính, tạo nên một không khí bí ẩn xung quanh khu lăng mộ của gia tộc họ Đặng, một không gian chứa đầy bí mật về kho báu của cụ tổ.  - Giúp khẳng định vai trò, tầm quan trọng của thám tử Kỳ Phát, chàng là người am hiểu, là người duy nhất có khả năng giải mã các manh mối trong bài thơ  **c. Ngôi kể**  - Ngôi kể mà tác giả sử dụng trong VB *Ngôi mộ cổ:* Ngôi thứ ba, người kể chuyện khách quan, người đứng bên ngoài kể lại câu chuyện.  - Ưu thế của việc sử dụng ngôi kể số ba (trong sự so sánh với VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô* - dùng ngôi kể thứ nhất, người kể chuyện là nhân vật bác sĩ Oát-sân, người bạn và cũng là cộng sự phá án của thám tử Sơ-lốc Hôm):  + Giúp tác giả kể chuyện, miêu tả nhân vật một cách khách quan, sinh động. Khi sử dụng ngôi kể thứ ba, người đọc sẽ được quan sát thám tử Kỳ Phát một cách khách quan, chứ không phải thông qua lăng kính chủ quan của người kể chuyện ngôi thứ nhất như VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô.* Từ đó, người đọc thấy được tài năng của Kỳ Phát cũng như sự hợp tác, hỗ trợ của những nhân vật phụ (ba anh em nhà họ Đặng) đã giúp sức cho Kỳ Phát tìm được đường vào hầm mộ. Họ là người được thừa hưởng tài sản của cha ông để lại nhưng họ cũng có công trong việc dốc lòng tìm kiếm, khám phá.  + Mang đến cho người đọc cảm giác như đang được tận mắt chứng kiến cảnh đi tìm kho báu. Điều này khác với VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô:* Người đọc không được tận mắt chứng kiến mà chỉ được nghe bác sĩ Oát-sân kể lại thông qua những gì Hôm kể với ông về hành trình phá án của mình. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản

- Rút ra được cách đọc VB truyện trinh thám

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện: NGUYEN NHAM 0981713891-359**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  - Nhóm 4-6 HS hoàn thành PHT số 3 để tổng hợp bài học kinh nghiệm khi đọc thể loại truyện trinh thám.  \* *Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và trưng bày sản phẩm tại góc học tập của lớp.  \* *Kết luận, nhận định:* | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**  - Nội dung:  Đoạn trích kể về một chuyến phiêu lưu của nhóm Kỳ Phát trong việc tìm kiếm kho báu của ông cha xưa được giấu ở khu mộ của họ Đặng ở Văn Lú. Cuối cùng, việc tìm thấy kho báu không chỉ mang lại hạnh phúc và thành công cho nhóm mà còn tạo ra những biến cố và kết thúc hấp dẫn. Chuyến phiêu lưu không chỉ là cuộc tìm kiếm vật chất mà còn là hành trình trải nghiệm và thử thách bản thân, gắn kết tình cảm.  - Nghệ thuật:  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật trinh thám: thông minh, tinh tế, và sự sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề.  + Tình huống truyện đặc sắc, kịch tính.  **2. Một số lưu ý khi đọc truyện trinh thám** |
| **PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của truyện trinh thám** | **Cách đọc truyện trinh thám dựa trên đặc điểm thể loại** | | Không gian, thời gian | *…* | | Cốt truyện, sự kiện | *…* | | Chi tiết | *…* | | Nhân vật | *…* | | Lời người kể chuyện và lời nhân vật (đối thoại, độc thoại nội tâm) | *…* |   **Gợi ý PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của truyện trinh thám** | **Kinh nghiệm đọc truyện trinh thám**  **dựa trên đặc điểm thể loại** | | Không gian, thời gian | - Xác định thời gian, không gian diễn ra câu chuyện.  - Xác định bối cảnh xã hội liên quan đến câu chuyện.  - Chỉ ra được tác dụng của không gian, thời gian trong việc thúc đẩy tiến trình khám phá vụ án, tìm ra sự thật. | | Cốt truyện, sự kiện | * Tóm tắt các sự kiện chính trong cốt truyện. * Nhận diện được vai trò của từng sự kiện theo tiến trình điều tra, sáng tỏ vụ án.   Vụ án xảy ra => Người điều tra tiến hành điều tra => Tình huống phức tạp bất ngờ xuất hiện => Cuộc điều tra gặp nhiều bế tắc => Thủ phạm cùng quá trình gây án bị vạch trần. | | Chi tiết | * Xác định các chi tiết đóng vai trò là mắt xích giúp thám tử phá án, dù là chi tiết nhỏ nhất.   - Phân tích được tác dụng của các chi tiết quan trọng trong hành trình khám phá sự thật của các nhân vật. | | Nhân vật | * Xác định nhân vật chính, nhân vật phụ. * Xác định vai trò của các nhân vật trong truyện.   Giải thích, phân tích được tiến trình phá án của nhân vật chính cùng những phẩm chất của một thám tử mà nhân vật đã thể hiện. | | Lời người kể chuyện và lời nhân vật (đối thoại, độc thoại nội tâm) | * Xác định lời người kể chuyện, lời nhân vật. * Chỉ ra được vai trò của lời người kể chuyện trong quá trình dẫn dắt câu chuyện.   Giải thích, phân tích được tác dụng của việc sử dụng đối thoại, độc thoại nội tâm (nếu có) trong lời nhân vật. | | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Ngôi mộ bí ẩn”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Ngôi mộ bí ẩn”  Câu 1: Tác phẩm Kho tàng họ Đặng gồm bao nhiêu chương?  A. 7 chương.  B. 8 chương.  C. 9 chương.  D. 10 chương.  Câu 2: Văn bản “Ngôi mộ cổ” trích từ chương nào của tác phẩm “Kho tàng họ Đặng?  A. Chương VIII.  B. Chương VII.  C. Chương VI.  D. Chương V.  Câu 3: Dụng ý của Kỳ Phát khi đọc bài thơ là gì”  A. Kỳ Phát muốn giúp ba anh em họ Đặng hiểu rõ nghĩa vụ gia đình của mình.  B. Kỳ Phát muốn chỉ ra sự quan trọng của việc hợp tác trong gia đình.  C. Kỳ Phát muốn khơi dậy lòng tham và sự quyết tâm của ba anh em họ Đặng để họ cùng nhau đi đến cùng.  D. Kỳ Phát muốn nhắc nhở ba anh em họ Đặng về ý nghĩa của tình đoàn kết gia đình.  Câu 4: Câu thơ "Đông hai mươi bước thêm hai bước" ám chỉ điều gì?  A. Hướng đi tìm kho báu.  B. Số bước cần đi.  C. Thời gian chờ đợi.  D. Số người trong nhóm.  Câu 5: Ai là người đã bày cách giấu kho báu cho Đinh Củng Viên?  A. Kỳ Phát.  B. Liên Ty.  C. Marco Polo.  D. Tào Tử Kiến.  Câu 6: Kỳ Phát đã làm gì với phần châu báu được chia?  A. Giữ lại cho mình.  B. Chia cho anh em họ Đặng.  C. Tặng làm của hồi môn cho cô Cúc.  D. Bán đi lấy tiền.  Câu 7: Vai trò của Liên Ty trong việc tìm kho báu là gì?  A. Người chỉ huy.  B. Người giải mã.  C. Người hỗ trợ Kỳ Phát.  D. Người canh gác.  Câu 8: Tại sao nhóm của Kỳ Phát lại sửng sốt khi thấy lỗ hổng dưới đất?  A. Vì không ngờ kho báu tồn tại.  B. Vì sợ hãi.  C. Vì ngạc nhiên về độ chính xác của bài thơ.  D. Vì thấy có người khác đã đến trước.  Câu 9: Quyết định tiếp tục sống cuộc đời phiêu lưu của Kỳ Phát cho thấy điều gì?  A. Chàng không biết quý trọng của cải.  B. Chàng yêu thích sự mạo hiểm và tự do.  C. Chàng sợ trách nhiệm gia đình.  D. Chàng muốn tìm thêm kho báu khác.  Câu 10: Việc sử dụng chùm chìa khóa của Kỳ Phát có ý nghĩa gì?  A. Để mở cửa kho báu.  B. Để đánh dấu vị trí.  C. Để làm vật nặng cho dây dọi.  D. Để đo khoảng cách.  Câu 11: Hành động của Bá Vy trong hầm mộ phản ánh điều gì về nhân vật này?  A. Sự can đảm.  B. Sự tham lam.  C. Sự thông minh.  D. Sự cẩn trọng.  Câu 12: Cách Kỳ Phát xử lý tình huống trong hầm mộ cho thấy điều gì về tính cách của chàng?  A. Nhanh trí và bình tĩnh.  B. Liều lĩnh và mạo hiểm.  C. Ích kỷ và tham lam.  D. Do dự và sợ hãi.  Câu 13: Cách xây dựng nhân vật Kỳ Phát cho thấy tác giả muốn truyền tải thông điệp gì?  A. Trí tuệ vượt trội sức mạnh.  B. Lòng tham dẫn đến thất bại.  C. Sự can đảm đem lại thành công.  D. Sự kết hợp giữa trí tuệ và đạo đức mang lại thành công.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn

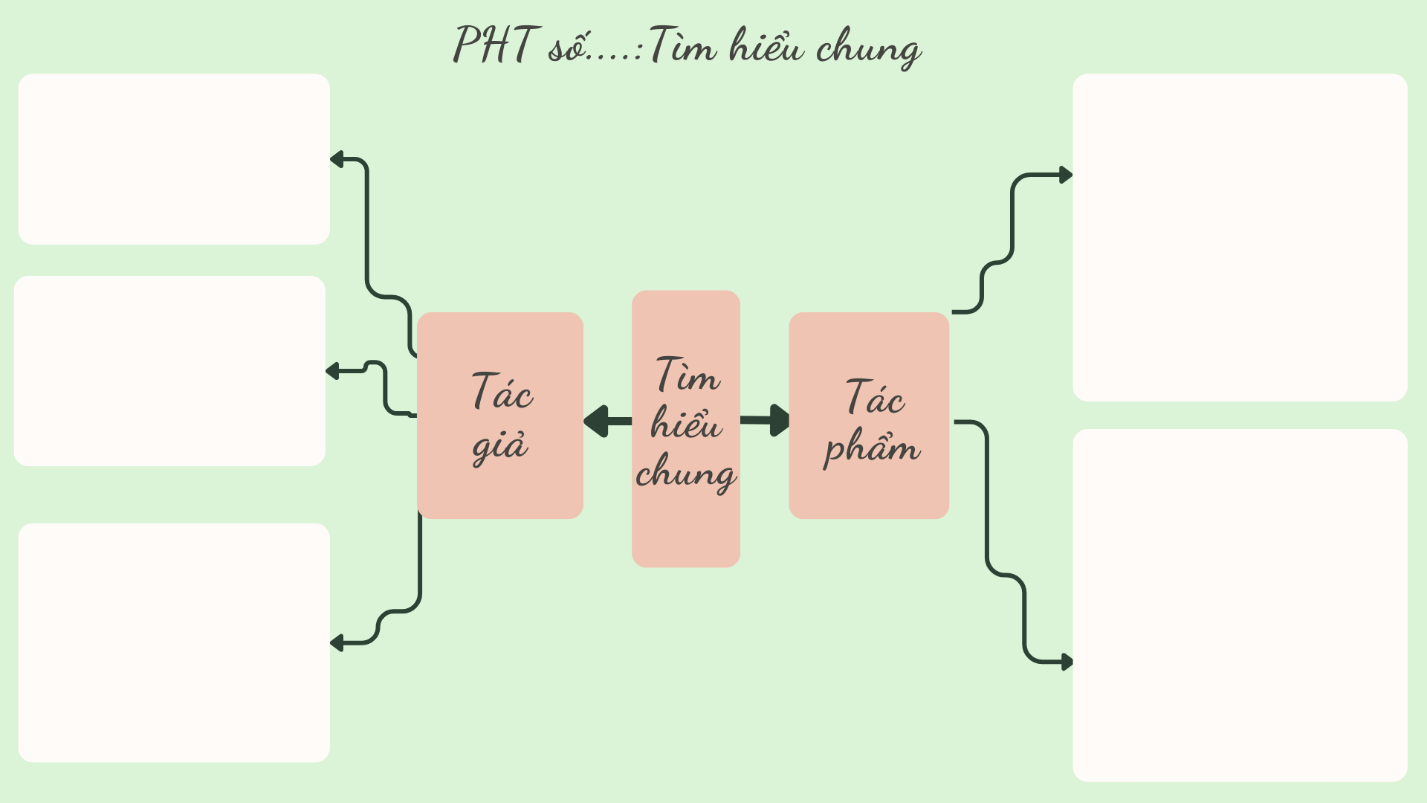
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Viết một đoạn văn (khoảng 7-9 dòng) trình bày suy nghĩ về tầm quan trọng của việc biết quan sát những điều xảy ra trong cuộc sống.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán câu trả lời lên bảng học tập của lớp.  *\* Kết luận, nhận định*  *-* GV chọn đọc ngẫu nhiên một số đoạn văn của Hs  - Gv nhận xét về sản phẩm của Hs | Hs viết đoạn văn |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

Bài 7: HÀNH TRÌNH KHÁM PHÁ SỰ THẬT

**(Truyện trinh thám - 13 tiết)**

(Đọc, Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

Tiết theo PPCT: 90

DẠY ĐỌC

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TRUYỆN TRINH THÁM**

**CÁCH SUY LUẬN**

**(Ren-sâm Rít)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Giải thích được tính logic, hợp lí trong tiến trình bốn bước suy luận của thám tử lừng danh Sơ-lốc Hôm.

- Nêu được tác dụng của ví dụ mà tác giả sử dụng trong VB (ví dụ về quá trình phân tích chiếc đồng hồ của Hôm trong *Dấu bộ tứ).*

- Liệt kê được các giải pháp có thể thực hiện để rèn luyện kĩ năng suy luận.

- Liên hệ, kết nối với VB *Chiếc mũ miện dát đá Be-rô, Ngôi mộ cổ* để hiểu hơn về chủ điểm *Hành trình khám phá sự thật.*

**2. Phẩm chất**

Tôn trọng sự thật, có tinh thần đấu tranh cho lẽ phải trong cuộc sống.

**II. KIẾN THỨC**

Hiểu thêm về chủ điểm *Hành trình khám phá sự thật.*

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu ngữ liệu, tranh ảnh.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Chia sẻ về một phẩm chất em yêu thích nhất của thám tử Sơ-lốc Hôm. Vì sao?  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài: *Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản****Cách suy luận****của tác giả Ren-sâm Rít để hiểu hơn về quá trình điều tra, phá án của vị thám tử tài ba này.* | Gợi ý: *Kĩ thuật điều tra vượt trội; khả năng quan sát tinh tường, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào; khả năng lập luận, đánh giá sắc bén.* |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Gv gọi 2 Hs đọc bài.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  2 Hs đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét cách đọc | - Đọc to, rõ ràng và chính xác những thông tin trong văn bản.  - Chú ý tốc độ đọc. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Giải thích được tính logic, hợp lí trong tiến trình bốn bước suy luận của thám tử lừng danh Sơ-lốc Hôm.

- Nêu được tác dụng của ví dụ mà tác giả sử dụng trong VB (ví dụ về quá trình phân tích chiếc đồng hồ của Hôm trong *Dấu bộ tứ).*

- Liệt kê được các giải pháp có thể thực hiện để rèn luyện kĩ năng suy luận.

- Liên hệ, kết nối với VB *Chiếc mũ miện dát đá Be-rô, Ngôi mộ cổ* để hiểu hơn về chủ điểm *Hành trình khám phá sự thật.*

-Tôn trọng sự thật, có tinh thần đấu tranh cho lẽ phải trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm đôi các câu hỏi 1,2,3  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* |  |
| **Câu 1:** Điền vào sơ đồ quá trình thực hiện tư duy phân tích của Sơ-lốc Hôm:  **Cách suy luận của Sơ-lốc Hôm**  **1. Quan sát từng**  **tiểu tiết**  Suy ra  kết luận  quan  trọng  Bằng chứng:  Cách Hôm quan  sát đồng hồ của  Oát-sân  **2. ...**  **3. ...**  **4. ...**  **…**  **…**  **Gợi ý**  **Cách suy luận của Sơ-lốc Hôm**  **1. Quan sát từng**  **tiểu tiết**  Suy ra  kết luận  quan  trọng  Bằng chứng:  Cách Hôm quan sát đồng hồ của  Oát-sân  **2. Đưa**  **ra một**  **số giả**  **thuyết**  **giải**  **thích**  **các chi**  **tiết**  **3. Loại trừ nguyên nhân ít khả năng xảy ra**  **4. Tổng**  **hợp**  **suy**  **luận,**  **đưa ra**  **lời giải**  **thích**  Đơn giản  nhất thường  chính xác  nhất  Cách Hôm  loại trừ  giả thuyết  về chiếc  đồng hồ  - Không thể đổi trình tự bốn bước của Hôm bởi vì đó là một quá trình suy luận logic, từ quan sát, lí giải nguyên nhân, loại trừ đến kết luận. Mỗi bước sau đều xây dựng trên bước trước, tạo thành một chuỗi logic không thể thiếu một bước, cũng không thể đảo ngược trật tự các bước.  **Ví dụ:** Quan sát phải là bước đầu tiên và quan trọng nhất để có thể rút ra được các kết luận đúng đắn. Khi quá trình quan sát không được thực hiện kĩ càng, các bước tiếp theo sẽ không thể thực hiện được. Nếu trật tự trên bị phá vỡ, quá trình suy luận của chúng ta sẽ trở nên khó khăn, thiếu cơ sở thực tế, thiếu kiểm chứng và không thể rút ra nhận định cuối cùng cho sự kiện/ vấn đề gặp trong cuộc sống.  **Câu 2:** Trao đổi, chia sẻ với bạn bên cạnh để cùng nhau xác định tác dụng của việc Ren-sâm Rít nêu ví dụ về quá trình phân tích chiếc đồng hồ trong *Dấu bộ tứ* bằng cách trả lời hai câu hỏi:  - Điều gì sẽ xảy ra khi tác giả lược bỏ phần nêu ví dụ trong bài viết?  - Những bước suy luận trong ví dụ trên có thể ứng dụng vào thực tế không? Vì sao?  **Gợi ý:**  Việc lấy ví dụ về quá trình phân tích chiếc đồng hồ của Hôm trong *Dấu bộ tứ* có các tác dụng:  - Minh hoạ cụ thể và sinh động phương pháp suy luận của Hôm: Đi từ quan sát - xây dựng giả thuyết - loại từ giả thuyết - tổng hợp, rút ra kết luận.  - Tăng tính sinh động, hấp dẫn cho bài viết, giúp độc giả dễ dàng hình dung được tiến trình suy luận của Hôm.  - Tăng khả năng vận dụng vào thực tế: Thông qua câu chuyện của Hôm, người đọc có thể áp dụng được cách Hôm tư duy để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.  - Tạo cảm hứng để người đọc tìm đọc tiểu thuyết *Dấu bộ tứ,* một trong những vụ án nổi tiếng mà Hôm và bác sĩ Oát-sân đã cùng nhau phá án.  **Câu 3:** Một số giải pháp giúp rèn luyện kĩ năng suy luận:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên giải pháp** | **Mô tả giải pháp** | **Tác dụng của giải pháp** | | Tham gia hoạt động tranh luận, tranh biện | - Xem các chương trình tranh luận, tranh biện dành cho HS.  - Tham gia câu lạc bộ tranh luận hoặc các hoạt động tranh biện ở trường. | - Rèn luyện kĩ năng lập luận, phân tích  - Phát triển tư duy độc lập và khả năng thuyết phục người khác. | | … | … | … |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên giải pháp** | **Mô tả giải pháp** | **Tác dụng của giải pháp** | | Tham gia hoạt động tranh luận, tranh biện. | - Xem các chương trình tranh biện dành cho HS.  - Tham gia câu lạc bộ tranh luận hoặc các hoạt động tranh biện ở trường. | - Rèn luyện kĩ năng lập luận, phân tích.  - Phát triển tư duy độc lập và khả năng thuyết phục người khác. | | Rèn luyện thói quen quan sát. | Tập trung quan sát mọi thứ diễn ra xung quanh, kể cả những chi tiết nhỏ nhất | Phát triển kĩ năng tập trung, thực hành liên kết các chi tiết, hình ảnh. | | Rèn luyện thói quen đặt câu hỏi. | Đặt ra các câu hỏi: *Vì sao, cái gì, như thế nào, nếu ... thì* ....... trước các sự kiện, vấn đề xảy ra trong cuộc sống | Phát triển tư duy phản biện, tư duy logic.  Phát triển năng lực nhận diện, phân tích, suy luận các vấn đề trong cuộc sống. | | Đọc sách, tài liệu về logic và suy luận. | Đọc sách, bài viết về logic học, phương pháp suy luận, cách thức tư duy như quy nạp, diễn dịch,... | Nâng cao kiến thức nền tảng về các nguyên tắc suy luận. | | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ,  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét | **III. Tổng kết**  - Nội dung: - Văn bản phân tích, lí giải các phương pháp, kĩ thuật mà thám tử Sơ-lốc Hôm sử dụng để tìm sự thật trong các vụ án phức tạp của mình.  - Nghệ thuật: Cách đưa ví dụ minh họa khéo léo, làm nổi bật khả năng suy luận phi thường của Hôm, tạo sự hứng thú cho người đọc, khẳng định tính chính xác của phương pháp Occam và gợi ý cho người đọc cách áp dụng phương pháp suy luận logic vào cuộc sống. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi Phá án cùng thám tử Sơ lốc Hôm  Câu 1: Phương pháp suy luận của thám tử Hôm gồm mấy bước?  A. 2 bước.  B. 3 bước.  C. 4 bước.  D. 5 bước.  Câu 2: Bước đầu tiên trong phương pháp của Hôm là gì?  A. Đưa ra giả thiết.  B. Loại trừ nguyên nhân ít khả năng.  **C.** Luyện thành nhà quan sát bậc thầy về tiểu tiết.  D. Tổng hợp các suy luận.  Câu 3: Theo Hôm, việc đoán trong quá trình suy luận là:  A. Một kỹ năng cần thiết.  B. Một thói quen tốt.  **C.** Một thói quen cực kỳ tai hại.  D. Một phương pháp hiệu quả.  Câu 4: Theo Hôm, các vết xước quanh lỗ khóa đồng hồ cho thấy điều gì?  A. Chủ nhân thường xuyên làm rơi đồng hồ.  B. Đồng hồ đã được sử dụng trong nhiều năm.  **C.** Chủ nhân có vấn đề về phối hợp tay-mắt.  D. Đồng hồ đã bị hỏng nhiều lần.  Câu 5: Trong bước thứ hai của phương pháp, Holmes đề xuất làm gì?  A. Loại bỏ các giả thiết.  **B.** Đưa ra các giả thiết.  C. Kiểm chứng các giả thiết.  D. Ghi nhớ các giả thiết.  Câu 6: Bước thứ ba trong phương pháp của Hôm là gì?  A. Quan sát kỹ lưỡng.  B. Đưa ra giả thiết về nguyên nhân dẫn tới các chi tiết quan sát được.  **C.** Loại trừ nguyên nhân ít khả năng xảy ra nhất.  D. Kết luận.  Câu 7: Bài đọc này chủ yếu nói về điều gì?  A. Lịch sử của đồng hồ.  B. Cuộc đời của Oát-sân.  **C.** Phương pháp suy luận của thám tử Hôm.  D. Cách sửa chữa đồng hồ cổ.  Câu 8: Trong việc áp dụng phương pháp của Hôm, việc nào sau đây là KHÔNG đúng?  A. Quan sát kỹ lưỡng.  B. Đưa ra nhiều giả thiết.  C. Loại trừ những giả thiết không hợp lý.  **D.** Chỉ dựa vào một giả thiết duy nhất.  Câu 9: Khi áp dụng "lưỡi dao của Ockham", bạn nên chọn giải thích nào?  A. Giải thích phức tạp nhất.  **B.** Giải thích đơn giản nhất.  C. Giải thích dài nhất.  D. Giải thích ngắn nhất.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức: | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** Hsrút ra được bài học nào có ý nhất đối với bản thân

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời/đoạn văn của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Qua văn bản “Cách suy luận”, em rút ra được bài học nào có ý nhất đối với bản thân? Vì sao?  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs | Hs trình bày |

**V. PHỤ LỤC**

Tiết theo PPCT: 91,92

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TIẾNG VIỆT**

**CÂU RÚT GỌN VÀ CÂU ĐẶC BIỆT: ĐẶC ĐIỀM VÀ CHỨC NẤNG**

**Thời lượng thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu rút gọn và câu đặc biệt.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết phối hợp trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

Yêu quý tiếng Việt.

**II. KIẾN THỨC**

Đặc điểm và chức năng của câu rút gọn và câu đặc biệt.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- PHT,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs so sánh 2 ngữ liệu

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Ở Bài 6 - *Những vấn đề toàn cầu,* em đã học được những loại câu nào?  - Cách 2:  **Nhiệm vụ 1:** Em hãy so sánh hai câu in đậm trong đoạn ngữ liệu sau:  “- Ai đã trồng những cây hoa này?  **- Mẹ tôi.”**  Và:  “- Ai đã trồng những cây hoa này?  **- Mẹ tôi đã trồng những cây hoa này”.**  **Nhiệm vụ 2:** Đọc và xác định chủ ngữ, vị ngữ của thành phần đươc in đậm trong ngữ liệu dưới đây:  “**Trước ga Hàng Cỏ. Chặp tối.** Chuyến tàu Nam vừa lên, người chen lấn đông nghịt.”  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS, bổ sung: *Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về****câu đặc biệt và câu rút gọn****để hiểu cách vận dụng kiểu câu này vào giao tiếp và tạo lập văn bản!* | - Cách 1:Ở Bài 6, các em đã học về câu đơn, câu ghép và lựa chọn câu đơn, câu ghép.  - Cách 2:  + Nhiệm vụ 1: *Hai câu in đậm đều có nội dung thông tin giống nhau, nhưng câu “Mẹ tôi” ngắn gọn hơn so với câu “Mẹ tôi đã trồng những cây hoa này”.*  + Nhiệm vụ 2: *Không xác định được thành phần chủ ngữ - vị ngữ trong câu in đậm.* |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Bước đầu nhận biết được đặc điểm và tác dụng của câu rút gọn và câu đặc biệt.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức tiếng Việt và trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc ngữ liệu có chứa câu câu rút gọn, câu đặc biệt, sau đó trả lời một số câu hỏi sau:  - Câu đặc biệt là gì? Câu rút gọn là gì?  - Nêu ví dụ cho mỗi loại.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Nhóm HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Trên cơ sở các câu trả lời của HS, GV hướng dẫn các em khái quát về đặc điểm, chức năng của câu đặc biệt. | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Câu rút gọn**  - Câu rút gọn là loại câu bị lược bỏ một hoặc một vài thành phần nào đó và có thể khôi phục lại (các) thành phần bị rút gọn nhờ ngữ cảnh.  Ví dụ:  “- Anh đang làm gì?  - Đọc sách”. (Rút gọn chủ ngữ).  “- Ai đã trồng những cây hoa này?  - Mẹ tôi”. (Rút gọn vị ngữ)  **Chú ý:** Câu rút gọn bị tỉnh lược có thể khôi phục thành câu đầy đủ.  **2. Câu đặc biệt**  - Câu đặc biệt là loại câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ – vị ngữ mà - chỉ có một nòng cốt đặc biệt. Loại câu này do một từ hoặc một cụm từ (trừ cụm chủ – vị) cấu tạo thành.  - Câu đặc biệt dùng để bộc lộ cảm xúc, gọi – đáp hoặc chỉ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng, sự kiện,... Trong câu đặc biệt, có thể có thêm các thành phần phụ.  Ví dụ: Và tôi vừa trở dậy bỗng nghe thấy tiếng chó Ki rộn vang từ ngoài ngõ và cao bổng tận trời xanh. Chó Ki! Cứ nghĩ rằng đang trong chiêm bao! Mà rành rành đây chính là hình khối chó Ki lông vàng mượt, bụng thon, chân dài, tai vểnh đang lao tới. Không! Còn hơn thế nữa! Chó Ki đang dẫn bố tôi về! |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động *Thực hành tiếng Việt***

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng được tri thức về câu rút gọn và câu đặc biệt vào làm bài tập.

***b. Nội dung:*** Hs làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời của các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bài tập** **1:** Chỉ ra câu rút gọn trong đoạn trích dưới đây. Khôi phục lại các thành phần bị rút gọn và cho biết tác dụng của việc sử dụng loại câu này.  **Khiết***: -*(cởi áo)*Phải nhanh lên mới được. Cậu giúp tôi một tay. Cái áo rộng quá… Chị đưa tôi cái khăn quàng... và cá mũ trùm đầu... Thôi, thế là được rồi... Chị trông có giống không?*  **Lý***: - Giống đấy...*  (Vũ Đình Long, *Gia tài*)  **Bài tập 2:** Xác định câu đặc biệt trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của loại câu này trong mỗi trường hợp:  a.*Ôi, Chúa ơi! Tôi thật là một lão ngốc mù quáng!*  *(*A-thơ Cô-nan Đoi-lơ*, Chiếc mũ miện dát đá be-rô)*  b.*Có tiếng gì trong cái hòm này... như tiếng thở ấy... Eo ơi!*  *(*Lưu Quang Vũ*, Bệnh sĩ)*  c.*Tôi sẽ là người thừa kế, lôi sẽ được lấy người tôi yêu! A! Anh Khiết ơi!*  *(*Vũ Đình Long*, Gia tài)*  **Bài tập 3:** Tìm câu rút gọn và câu đặc biệt có trong các trường hợp sau. Chỉ ra dấu hiệu để phân biệt hai loại câu này.  a. *“... Cháu gái tôi, con bé Me-ry, nó đã bỏ tôi mà đi”.*  *“Bỏ rơi ông?“.*  (A-thơ Cô-nan Đoi-lơ, *Chiếc mũ miện dát đá be-rô*)  b. **Lý***:-*(ngã xuống như là ngất đi)*Chao ôi!*  **Khiết***: - Cháu đỡ lấy nó. Và để thưởng công cho thị Lý, vì thị đã chăm nom, nâng đỡ tôi, tôi để lại cho thị…*  **Lý***: -*(vờ khóc)*Trời ơi! Ông tôi tử tế quá, mà Trời Phật không để cho sống mãi!*  **Khiết***: - Hai trăm ngàn đồng tiền mặt*(Lý vờ như cảm động, chấm nước mắt).  (Vũ Đình Long, *Gia tài*)  **Bài tập 4:** Xác định chức năng của các thành phần được in đậm trong các câu sau. Các thành phần này có thể được tách ra tạo thành câu đặc biệt không? Vì sao?  a. ***Á, à,****tôi biết rồi*.  (Sác-lơ Uy-li-am, *Đêm Chủ nhật dài*)  b. ***Hình như****cô đã chờ sẵn đâu đó ở phòng bên.*  (Sác-lơ Uy-li-am, *Đêm Chủ nhật dài*)  **Bài tập 5:** Đọc đoạn hội thoại sau và trả lời câu hỏi:  **Cô giáo:***Hôm qua, chúng ta học đến phần nào rồi nhỉ?*  **Nam:***Tri thức Ngữ văn.*  a. Theo em, câu trả lời của Nam trong tình huống trên có phù hợp không? Vì sao?  b. Với câu hỏi của cô giáo, chúng ta có thể có những câu trả lời nào khác câu trả lời của Nam?  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện một số nhóm lần lượt trình bày kết quả của từng bài tập, nhóm khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS | **Bài tập 1:**  a. Câu rút gọn có trong đoạn trích:  (1) *Phải nhanh lên mới được.*  (2) *Giống đấy.*  Tác dụng: Việc sử dụng câu rút gọn giúp tránh lặp lại những từ ngữ đã xuất hiện trước đó, do đó làm cho nhịp độ cuộc đối thoại nhanh hơn.  b. Khôi phục thành phần bị rút gọn:  (1) ***Ta*** *phải nhanh lên mới được.*  (2) *Giống* ***cụ Di Lung*** *đấy!*  **Bài tập 2:**  a. Câu đặc biệt: *Ôi, Chúa ơi!* (Bộc lộ cảm xúc).  *Lưu ý:* Trong câu đặc biệt này có một thành phần phụ - thành phần cảm thán (*Ôi*). Mặc dù có cấu tạo kiểu như một câu đặc biệt gọi - đáp với cấu trúc *X + ơi,* nhưng những câu như: *Chúa ơi!, Trời ơi!,*... có chức năng bộc lộ cảm xúc.  b. Câu đặc biệt:  *- Có tiếng gì trong cái hòm này... như tiếng thở ấy...* (Chỉ sự tồn tại của sự vật, hi ện tượng, sự kiện,...).  *- Eo ơi!* (Bộc lộ cảm xúc).  c. Câu đặc biệt:  *- A!* (Bộc lộ cảm xúc).  *- Anh Khiết ơi!* (Gọi - đáp).  **Bài tập 3:**  a. Câu rút gọn: *Bỏ rơi ông?*  b. Câu đặc biệt:  *- Chao ôi!*  *- Trời ơi!*  *Lưu ý: “Hai trăm ngàn đồng tiền mặt”* không phải là một câu rút gọn mà là một phần chưa nói hết (do quãng ngừng trong hội thoại) của câu *“Và để thưởng công cho thị Lý, vì thị đã chăm nom, nâng đỡ tôi, tôi để lại cho thị hai trăm ngàn đồng tiền mặt.”* trong lời thoại của Khiết.  GV cần lưu ý thêm với HS: *Câu rút gọn* là loại câu bị lược bỏ một hoặc một vài thành phần nào đó và có thể khôi phục lại (các) thành phần bị rút gọn nhờ ngữ cảnh. Chúng ta vẫn có thể xác định được thành phần còn lại trong câu rút gọn là thành phần gì. Chẳng hạn, “*Bỏ rơi ông? “* là một câu rút gọn (rút gọn chủ ngữ, chỉ còn lại thành phần vị ngữ) và chúng ta có thể khôi phục lại các thành phần bị lược bỏ như sau: *“Nó đã bỏ rơi ông?”.* Trong khi đó, câu đặc biệt tồn tại như nó vốn có, không phải do nó bị lược bỏ thành phần nào, do đó, khác với câu rút gọn, chúng ta không thể khôi phục lại các thành phần đã bị lược bỏ trong câu đặc biệt. Câu đặc biệt không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ mà chỉ có một nòng cốt đặc biệt (do một từ hoặc một cụm từ (trừ cụm chủ - vị) cấu tạo thành). Chẳng hạn: *“Chao ôi! “; “Trời ơi! “.*  **Bài tập 4:**  a. ***Á****,* ***à****, tôi biết rồi.* (Thành phần cảm thán).  Thành phần cảm thán này có thể tách ra (có dấu ngắt câu) tạo thành câu đặc biệt dùng để bộc lộ cảm xúc.  Ví dụ: ***Á, à!*** *Tôi biết rồi.*  ***Á, à!*** (Câu đặc biệt bộc lộ cảm xúc).  b. ***Hình như*** *cô đã chờ sẵn đâu đó ở phòng bên.* (Thành phần tình thái)  Thành phần tình thái này không thể tách ra tạo thành câu đặc biệt.  Chúng ta không thể viết: ***Hình như.*** *Cô đã chờ sẵn đâu đó ở phòng bên.*  Thành phần tình thái thể hiện thái độ của người nói đối với sự việc, hiện tượng,... được nói đến trong câu, do đó, thường đi kèm phần thông tin về sự việc, hiện tượng,. được đề cập đến trong câu.  **Bài tập 5:**  a. Câu trả lời của Nam trong tình huống trên không phù hợp vì trong tình huống giao tiếp với người có tuổi tác, địa vị cao hơn mình (cụ thể ở đây là cô giáo), câu nói của Nam (*Tri thức Ngữ văn.}* bị xem là “nói trống không”, là cách nói thiếu lễ phép. Vì vậy, HS cần lưu ý sử dụng câu rút gọn trong những tình huống giao tiếp phù hợp.  b. Với câu hỏi của cô giáo, chúng ta có thể có những câu trả lời sau:  (1) ***Tri thức Ngữ văn*** *ạ.*  (2) *Dạ, phần* ***Tri thức Ngữ văn*** *ạ.*  (3) *Dạ, lớp mình học đến phần* ***Tri thức Ngữ văn.***  (4) *Lớp mình học đến phần* ***Tri thức Ngữ văn*** *ạ.*  (5) *Dạ, hôm qua lớp mình học đến phần* ***Tri thức Ngữ văn.***  ***🡪*** Chúng ta có thể trả lời bằng một câu rút gọn nhưng nên thêm “ạ”, “dạ” để thể hiện sự lễ phép trong tình huống này. |

**2. Hoạt động khái quát nội dung bài học**

***a. Mục tiêu:***

- Khái quát được nội dung chính của bài học.

- Rút ra được những lưu ý khi vận dụng câu rút gọn và câu đặc biệt vào giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS trả lời những câu hỏi sau:  - Em đã học được những nội dung gì về câu rút gọn và câu đặc biệt?  - Em rút ra được những lưu ý gì khi sử dụng câu rút gọn và câu đặc biệt vào giao tiếp?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS | Gợi ý:  Sử dụng câu rút gọn và câu đặc biệt phải phù hợp với ngữ cảnh, đối tượng giao tiếp để tránh trường hợp làm cho người nghe không hiểu hoặc hiểu không rõ mục đích, ý nghĩa lời nói của mình. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức về câu rút gọn và câu đặc biệt để viết một đoạn hội thoại.

***b. Nội dung:*** Hs viếtđoạn hội thoại có sử dụng ít nhất một câu đặc biệt và một câu rút gọn; đồng thời xác định các loại câu này và nêu tác dụng của chúng

***c. Sản phẩm*:** Đoạn hội thoại của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\*. Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Cá nhân HS thực hiện bài tập 6 trong SGK.  (2) Hai HS trao đổi sản phẩm cho nhau và góp ý cho sản phẩm của bạn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ đã giao.  *\* Báo cáo, thảo luận:* GV mời ngẫu nhiên một số HS đọc đoạn hội thoại đã viết hoặc GV dùng điện thoại, chụp một số sản phẩm của HS và trình chiếu trên màn hình để cả lớp thảo luận dựa vào ba câu hỏi sau:  - Các câu trong đoạn hội thoại có ý nghĩa hay không? Có sự logic trong câu hỏi và câu trả lời hay không?  - Trong đoạn có sử dụng ít nhất một câu đặc biệt và một câu rút gọn hay không?  - HS có xác định các loại câu này và nêu tác dụng của chúng hay không?  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét về sản phẩm của HS dựa trên ba câu hỏi trên.  - GV nhận xét về sự chính xác trong các ý kiến về sản phẩm của bạn mà các HS trong lớp đã nhận xét. | Gợi ý:  - Đoạn hội thoại có sử dụng câu đặc biệt và một câu rút gọn:  **Tâm:** Nam ơi, bạn đang xem gì thế?  **Nam:** Xem đá bóng.  **Tâm:** Thế bạn xem trận đấu của đội nào vậy?  **Nam:** Thể Công ѵà Đồng Tháp.  **Tâm:** Bạn thấy đội đó đá như thế nào?  **Nam:** Tuyệt!  - Trong đoạn hội thoại trên:  + Câu rút gọn: Xem đá bóng; Thể Công và Đồng Tháp.  Tác dụng: Thể hiện lời đáp ngắn gọn của Nam, đi thẳng vào đúng trọng tâm câu trả lời một cách nhanh chóng, đơn giản.  + Câu đặc biệt: Tuyệt!  Tác dụng: thể hiện cảm xúc của người xem bóng đá. |

**Bài 7: HÀNH TRÌNH KHÁM PHÁ SỰ THẬT**

**(Truyện trinh thám - 13 tiết)**

(Đọc, Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

Tiết theo PPCT: 93

DẠY ĐỌC

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TRUYỆN TRINH THÁM**

**KẺ SÁT NHÂN LỘ DIỆN**

**(Sác-lơ Uy-li-am)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Tôn trọng sự thật, có tinh thần đấu tranh cho lẽ phải trong cuộc sống.

**II. KIẾN THỨC**

- Cách đọc VB truyện trinh thám theo đặc điểm của thể loại.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có);

- Giấy A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm;

- PHT;

- Sơ đồ, biểu bảng tóm tắt đặc trưng của kiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử và VB phỏng vấn.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:* Chia sẻ với bạn bè về một truyện hoặc một bộ phim trinh thám mà em yêu thích nhất.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài mới: Nhắc đến  Sác-lơ Uy-li-am là nhắc đến một trong những tác gia vĩ đại của truyện trinh thám với tác phẩm gây cấn **Kẻ sát nhân lộ diện**. Truyện kể về nhân vật chính Giôn Oa-rân bị nghi ngờ giết người, phải vượt qua nỗi sợ hãi âm thầm điều tra tìm ra kẻ giết người giải oan cho chính mình vô cùng hồi hộp, gay cấn thu hút người đọc dõi theo. Văn bản học ngày hôm nay sẽ kể lại chi tiết về việc tìm ra thủ phạm gây cấn của Giôn Oa-rân  trong cuộc quyết đấu tìm ra cái ác. | Gợi ý: “Thám tử lừng danh Conan” (truyện tranh); “Án mạng trên chuyến tàu tốc hành phương Đông”, “Mật mã Da Vinci”, “Mind Hunter” (phim),… |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv hướng dẫn Hs đọc văn bản và tìm hiểu về tác giả tác phẩm theo **PHT số 1**  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 2 Hs đọc, các Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Nhận xét về kĩ năng đọc | **1.1. Đọc**  Cách đọc: thể hiện được cảm xúc, tính cách của nhân vật, đặc biệt là quá trình phá án của nhân vật thám tử; không bỏ từ, thêm từ; thể hiện đúng nhịp điệu câu văn, ngắt giọng phù hợp…  **1.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Sác-lơ Uy-li-am (1886 – 1945) là nhà văn người Anh.  - Ông viết rất nhiều thể loại như thơ ca, tiểu thuyết, kich, phê bình văn học…  - Một số tiểu thuyết nổi tiếng: “Chiến tranh trên thiên đường” (1930), “Xuống địa ngục” (1937), “Đêm giao thừa” (1945)…  **b. Tác phẩm**  - Tác phẩm Đêm Chủ nhật dài gồm 12 chương kể về hành trình đi tìm sự thật và chứng minh mình không phạm tội của Giôn Oa-rân (John Warrent) với sự giúp đỡ của cô thư kí Ba-bro (Barbara), các thám tử tư, cảnh sát trưởng Scan-lân (Scanlon).  - VB Kẻ sát nhân lộ diện trích từ Chương XII (chương cuối) của tác phẩm này. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:*  Câu 1: Tóm tắt các sự việc được kể trong văn bản và xác định người kể chuyện, nhân vật chính.  Câu 2: Các thông tin về thời gian như: “Đã 7 giờ 35.”, “7 giờ 39 phút.”, “7 giờ 44 phút.” ở đoạn 1 có tác dụng gì trong việc thể hiện diễn biến của câu chuyện và tâm lí của các nhân vật trong văn bản?  Câu 3: Nhận xét về cách miêu tả không gian, thời gian trong văn bản.  Câu 4: Nhân vật Gioóc Cle-mon được miêu tả qua cái nhìn của ai? Điều đó có tác dụng gì?  Câu 5: Nhân vật, sự kiện, chi tiết trong văn bản trên đã thể hiện đặc điểm của nhân vật, sự kiện, chi tiết trong truyện trinh thám như thế nào?  Câu 6: Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ trong văn bản (lưu ý sự kết hợp giữa tự sự với miêu tả, biểu cảm; đối thoại với độc thoại).  Câu 7: Trong các nhân vật Ba-brơ, Scan-lân, Giôn Oa-rân, nhân vật nào để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **Câu 1:**  - Các sự kiện được kể trong VB là: (1) Đan, cựu cảnh sát, người cùng hội đi săn và là người thuê nhà của Giôn bị giết; (2) Fran-xơ, vợ Giôn, vừa trở về từ Niu Ô-lin bị giết; Giôn lo sợ mình sẽ tiếp tục bị tình nghi là thủ phạm; (3) Giôn trốn đi Niu Ô-lin để tự điều tra; đồng thời, thuê thám tử điều tra hành tung của vợ mình trong những ngày cô ấy ở đó; (4) Giôn bí mật trở về văn phòng làm việc của mình để thu nhận thông tin từ các thám tử qua cô thư kí Ba-brơ; (5) Giôn tìm ra tung tích người phụ nữ bí ẩn đã gọi điện cho anh để tố cáo mối quan hệ bất chính giữa Fran-xơ và Đan; (6) Ba-brơ thuyết phục Giôn trình diện cảnh sát và chuyển toàn bộ các thông tin về vụ án mà Ba-brơ và Giôn thu được cho họ; (7) Cảnh sát tổ chức cuộc thẩm vấn Giôn với sự chứng kiến của Gioóc Cle-mơn (một người bạn, luật sư của Giôn và cũng là tình nhân của vợ anh) nhằm mục đích tìm ra thủ phạm.  - Người kể chuyện là Giôn Oa-rân, nhân vật chính trong truyện, người bị nghi ngờ là tội phạm.  **Câu 2:** Tác dụng của việc trình bày các thông tin về thời gian trong đoạn 1: Thể hiện diễn biến tâm lí của nhân vật chính: hồi hộp, mong đợi sự thật được phơi bày, mình được giải oan, sự lo sợ nếu như sự thật không được phơi bày.  **Câu 3:**  - Không gian được miêu tả trong đoạn trích là không gian của đồn cảnh sát, nơi tổ chức cuộc đấu trí giữa Giôn (nhân vật chính, bị tình nghi là thủ phạm, đồng thời là người thuê Gioóc, kẻ bị tình nghi là thủ phạm, làm luật sư cho mình), cảnh sát trưởng Scan-lân với Gioóc Cle-mơn, thủ phạm chưa bị lộ mặt, đóng vai trò là luật sư của Giôn.  - Thời gian được miêu tả trong một buổi tối, thời điểm cuộc đấu trí xảy ra.  Bối cảnh không gian, thời gian như vậy có các tác dụng: Tăng kịch tính của cuộc đấu trí, sự dồn nén cảm xúc của các nhân vật, đặc biệt là hai nhân vật: Giôn Oa-rân và cô thư kí Ba-brơ; thể hiện sự xảo quyệt, bình tĩnh của Gioóc Cle-mơn (thủ phạm); đưa kẻ phạm tội ra ánh sáng.  **Câu 4:** Gioóc Cle-mơn được miêu tả qua cái nhìn của Giôn Oa-rân (nhân vật chính, người bị tình nghi là thủ phạm). Tác dụng: Thể hiện rõ những quan sát, cảm nhận của nhân vật chính về thái độ bình tĩnh đáng kinh ngạc, sự xảo quyệt của Gioóc Cle-mơn (thủ phạm); đồng thời thể hiện rõ diễn biến tâm lí của người bị tình nghi: Lo lắng, hồi hộp, sợ hãi, vỡ oà cảm xúc khi tội phạm bị lật mặt, bản thân được giải oan.  **Câu 5:**  - Về các nhân vật: Điểm thú vị của việc xây dựng các nhân vật trong truyện là:  + Nhân vật chính, Giôn Oa-rân, thể hiện đầy đủ các đặc điểm của nhân vật chính trong truyện trinh thám: Có khả năng quan sát tinh tường các sự kiện, đặc biệt là quan sát diễn biến tâm lí của Gioóc Cle-mơn, khả năng phân tích các hiện tượng, sự kiện, khả năng suy luận ý nghĩa của các sự kiện. Một trong những nét đặc sắc của câu chuyện này: Nhân vật chính trong truyện (Giôn Oa-rân) vừa là người thực hiện cuộc điều tra, vừa là người bị nghi là tội phạm (khác với các truyện trinh thám khác: người điều tra là cảnh sát, thám tử điều tra vụ phạm tội của người khác).  + Thư kí Ba-brơ là người cộng sự đắc lực của Giôn trong quá trình điều tra, chứng minh ông chủ của mình không phạm tội.  + Cảnh sát trưởng Scan-lân, ban đầu nghi ngờ Giôn nhưng cuối cùng, với sự thuyết phục của Ba-brơ, đã sắp xếp cuộc hỏi cung ở đồn cảnh sát nhằm “lột mặt nạ” của kẻ phạm tội.  + Gioóc Cle-mơn, kẻ phạm tội giết ba người, trong đó có Fran-xơ (vợ Giôn), lại là luật sư của Giôn. Vai trò của luật sư là phải bảo vệ quyền lợi của thân chủ, nhưng trong truyện này, luật sư lại cố đổ tội cho thân chủ.  - Về các sự kiện, chi tiết: Các sự kiện, chi tiết trong truyện đều có tác dụng tăng thêm kịch tính cho câu chuyện, cung cấp các bằng chứng, manh mối cho quá trình điều tra (được thể hiện trong phần tóm tắt tác phẩm và trong đoạn trích), ví dụ:  + Đan, cựu cảnh sát bị bắn chết là người cùng hội đi săn với Giôn, viên đạn tìm thấy trong đầu nạn nhân cùng cỡ với đạn trong khẩu súng của Giôn.  + Fran-xơ bị giết sau khi đi Niu Ô-lin về và hai vợ chồng cãi nhau.  + Cuộc gọi điện của một người phụ nữ bí ẩn tố cáo mối quan hệ bất chính giữa Fran-xơ và Đan.  + Cuộc đối thoại qua điện thoại của cảnh sát trưởng và vợ (do Ba-brơ đóng giả).  + Gioóc Cle-mơn gọi điện cho Đen-mân (thám tử ở Niu Ô-lin) yêu cầu thủ tiêu tang vật là phong bì mà Gioóc dùng để gửi trả cho công việc mà thám tử này theo dõi Fran-xơ trong những ngày cô ta ở Niu Ô-lin.  **Câu 6:** Ngôn ngữ trong truyện có sự đan xen, kết hợp chặt chẽ giữa ngôn ngữ tự sự (lời kể của nhân vật chính về “màn kịch gia đình”, lời kể của Ba-brơ về việc đã lôi kéo cảnh sát trưởng bố trí cuộc hỏi cung) với ngôn ngữ miêu tả gương mặt, thái độ của các nhân vật, đặc biệt là nhân vật Gioóc Cle-mơn, kết hợp với những từ ngữ thể hiện cảm xúc hồi hộp, lo sợ của nhân vật chính; kết hợp giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại của nhân vật chính (ở phần 1 của đoạn trích).  **Câu 7:** GV hướng dẫn HS tự trả lời dựa trên ấn tượng cá nhân. Gợi ý:  - Nhân vật ấn tượng nhất: Ba-brơ  - Vì cô là người thông minh, nhanh nhạy, bằng khả năng ăn nói, cô đã thành công dắt mũi cảnh sát, giúp đỡ Oa-rân. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân để khái quát nội dung và nghệ thuật của VB

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Qua cuộc thẩm vấn và các bằng chứng thu thập được, chân tướng vụ án dần được làm sáng tỏ, kẻ sát nhân thực sự đã lộ diện. Đồng thời cho thấy sự thông minh, nhanh trí của các nhân vật, đặc biệt là nhân vật Oa-rân và Ba-brơ. Họ đã sử dụng những thủ đoạn tinh vi để lừa gạt kẻ sát nhân và đưa hắn ra ánh sáng.  - Nghệ thuật: nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, xây dựng nhân vật đặc sắc, tình huống truyện kịch tính; ngôn ngữ giàu hình ảnh |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Mặt nạ bí ẩn”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện: NGUYEN NHAM 0981713891-359**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Gv tổ chức trò chơi “Mặt nạ bí ẩn”  Câu 1: Văn bản “Kẻ sát nhân lộ diện” thuộc thể loại văn học nào?  A. Truyện ngắn.  **B.** Truyện trinh thám.  C. Kịch.  D. Hồi ký.  Câu 4: Ai là người kể chuyện trong văn bản “Kẻ sát nhân lộ diện”?  A. Cảnh sát trưởng Scan-lân.  **B.** Oa-rân.  C. Giooc Cle-mơn.  D. Đen-mân.  Câu 3: Nhân vật Gioóc Cle-mon được miêu tả qua cái nhìn của ai?  A. Cảnh sát trưởng Scan-lân.  **B.** Oa-rân.  C. Ran-dô.  D. Đen-mân.  Câu 4: Chiếc phong bì mà Ran-đô dùng để gửi tiền trả công cho Đen-mân có đặc điểm gì?  A. Viết tay địa chỉ người nhận.  B. Dán tem đặc biệt.  C. Không có địa chỉ.  **D.** Đánh máy địa chỉ người gửi.  Câu 5: Gioóc Cle-mon có thái độ như thế nào khi nghe tiếng chuông điện thoại réo lên?  A. Nhảy dựng lên.  B. Hét lớn.  **C.** Bình thản.  D. Run rẩy.  Câu 6: Nhân vật nào thể hiện sự thông minh và nhạy bén nhất trong đoạn trích?  A. Scan-lân.  B. Gioóc Cle-mon.  **C.** Ba-brơ.  D. Oa-rân.  Câu 7: Ý nghĩa của việc tác giả liên tục nhắc đến thời gian trong đoạn trích là gì?  A. Tạo nhịp điệu nhanh cho câu chuyện.  B. Nhấn mạnh tầm quan trọng của thời gian trong việc phá án.  C. Thể hiện sự sốt ruột của các nhân vật.  **D.** Tất cả các đáp án trên.  Câu 8: Tình huống nào trong truyện thể hiện sự mâu thuẫn giữa vẻ bề ngoài và bản chất thật của nhân vật?  **A.** Gioóc bình tĩnh trước tiếng chuông điện thoại.  B. Ba-brơ giả vờ khóc khi nghe điện thoại.  C. Scan-lân nghi ngờ lời khai của Oa-rân.  D. Đen-mân đồng ý hợp tác với cảnh sát.  Câu 9: Nhân vật Ba-brơ có đặc điểm gì nổi bật?  A. Dũng cảm.  **B.** Mưu trí.  C. Trung thực.  D. Lạnh lùng.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn

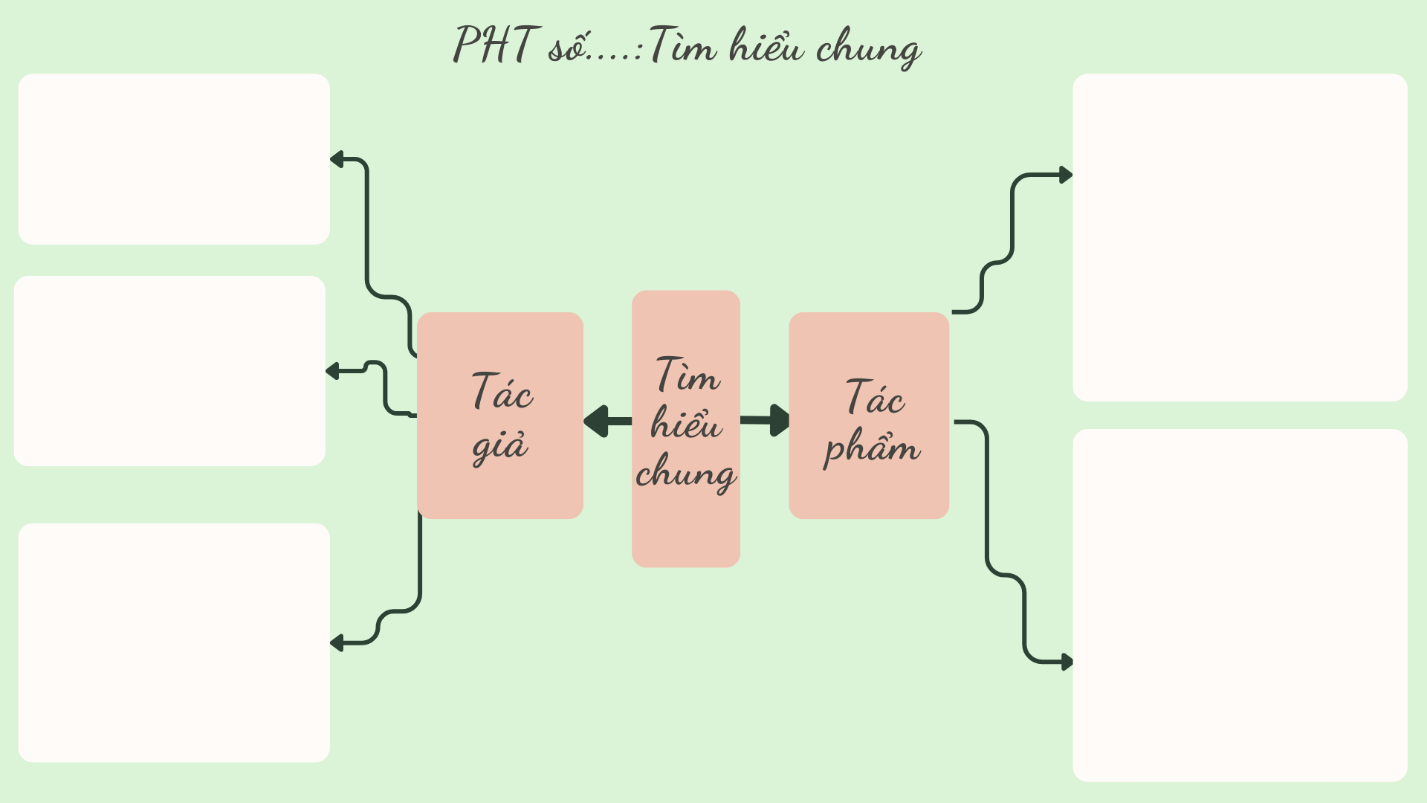
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Viết đoạn văn chia sẻ về nhân vật mà em ấn tượng nhất.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs | Đoạn văn của Hs |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

Tiết theo PPCT: 94,95

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT**

**VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO**

**Thời lượng: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Biết viết truyện kể sáng tạo bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); xây dựng cốt truyện; viết truyện kể sáng tạo có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết một truyện kể sáng tạo có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**1.2. Năng lực chung**

- Giao tiếp, hợp tác: Nhận xét, phản hồi thích hợp đối với bài viết của bạn.

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

**2 Phẩm chất**

Sử dụng năng lực tưởng tượng và sáng tạo để tạo nên một truyện kể có nội dung sâu sắc và thông điệp tích cực.

**II. KIẾN THỨC**

- Kiểu bài viết một truyện kể sáng tạo: Định nghĩa, đặc điểm và yêu cầu đối với kiểu bài.

- Cách viết một truyện kể sáng tạo.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Máy chiếu (nếu có), giấy A0, bút lông, SGK, SGV,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng viết và xác định nhiệm vụ học tập. GV đặt câu hỏi cho HS: Trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:* | Ở bài học này, HS cần học cách viết một truyện kể sáng tạo, có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm. |

**2. Hoạt động tìm hiểu vai trò của kiểu bài trong giao tiếp**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được vai trò, ý nghĩa của việc viết một truyện kể sáng tạo.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi về sự cần thiết của việc viết một truyện kể sáng tạo

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thảo luận câu hỏi: Tại sao chúng ta cần viết một truyện kể sáng tạo?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* HS tự do phát biểu ý kiến, sau đó, GV chốt lại một số ý về vai trò của kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo: | - Giúp người viết phát triển năng lực sáng tạo và trí tưởng tượng, viết truyện chính là cơ hội tạo ra những thế giới, nhân vật và câu chuyện hoàn toàn mới lạ.  - Giúp người viết truyền tải những thông điệp, bài học về cuộc sống, về con người.  - Giúp người viết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, quan điểm và những trải nghiệm của bản thân trên hành trình cuộc sống.  - Giúp người viết giải trí một cách lành mạnh, bổ ích. Viết truyện sáng tạo là một hoạt động tinh thần mang lại sự thú vị, hứng khởi cho cả người viết lẫn người đọc.  - Giúp người viết rèn luyện và cải thiện nhiều kĩ năng như: Viết, diễn đạt, tổ chức ý tưởng, xây dựng nhân vật,... |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động kích hoạt tri thức nền**

***a. Mục tiêu:*** HS nhắc lại được yêu cầu của kiểu bài *Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc* (Bài 4 - *Con người trong thế giới kì ảo),* sau đó, kết nối với kiểu bài *Viết một truyện kể sáng tạo theo trí tưởng tượng* ở bài này.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS sắp xếp các truyện sau vào hai nhóm: Truyện kể mô phỏng (dựa trên một truyện đã đọc) và truyện kể sáng tạo (theo trí tưởng tượng). (PHT số 1)  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thảo luận.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 nhóm trả lời, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Dựa trên câu trả l ời của HS, GV dẫn dắt vào bài học: Hoạt động phân nhóm ở trên đã giúp chúng ta nhận diện một truyện kể sáng tạo, tưởng tượng dựa trên: sự sáng tạo về hình thức (tình huống, nhân vật, chi tiết tiêu biểu, cách chọn người kể chuyện); sự sáng tạo về nội dung (chủ đề, thông điệp, bài học được gửi gắm trong truyện kể). |  |
| **PHT số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tên truyện** | **Phân loại** | | **Giải thích lí do** | | **Truyện kể mô phỏng** | **Truyện kể sáng tạo** | | *Con muốn làm một cái cây* (Võ Thu Hương) | … | … | … | | *Bồng chanh đỏ* (Đỗ Chu) |  |  | … | | *Kết thúc mới cho truyện “Cô bé bán diêm”* (Hoàng Mai Phương, lớp 8A1, trường Trung học cơ sở Việt Hùng, Vũ Thư, Thái Bình; bài đăng trên tạp chí *Văn học và tuổi trẻ* số tháng 12 năm 2016) | … | … | … | | *Xưởng Sô-cô-la* (Rô-a Đan) | … | … | … | | *Kể lại truyện “Ẽch ngồi đáy giếng”* (Lưu Mai Phương, lớp 6E, trường Trung học cơ sở Tân Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang; bài đăng trên tạp chí *Văn học và tuổi trẻ,* số tháng 3 năm 2017) | … | … | … | | *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam) | … | … | … |   **Gợi ý PHT số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tên truyện** | **Phân loại** | | **Giải thích lí do** | | **Truyện kể mô phỏng** | **Truyện kể sáng tạo** | | *Con muốn làm một cái cây* (Võ Thu Hương) |  | X | Câu chuyện dựa trên trí tưởng tượng, sáng tạo | | *Bồng chanh đỏ* (Đỗ Chu) |  | X | Câu chuyện dựa trên trí tưởng tượng, sáng tạo | | *Kết thúc mới cho truyện “Cô bé bán diêm”* (Hoàng Mai Phương, lớp 8A1, trường Trung học cơ sở Việt Hùng, Vũ Thư, Thái Bình; bài đăng trên tạp chí *Văn học và tuổi trẻ* số tháng 12 năm 2016) | X |  | Câu chuyện đã có, được viết lại một kết thúc khác | | *Xưởng Sô-cô-la* (Rô-a Đan) |  | X | Câu chuyện dựa trên trí tưởng tượng, sáng tạo | | *Kể lại truyện “Ẽch ngồi đáy giếng”* (Lưu Mai Phương, lớp 6E, trường Trung học cơ sở Tân Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang; bài đăng trên tạp chí *Văn học và tuổi trẻ,* số tháng 3 năm 2017) | X |  | Câu chuyện đã có, được viết theo một ngôi kể khác | | *Gió lạnh đầu mùa*  (Thạch Lam) |  | X | Câu chuyện dựa trên trí tưởng tượng, sáng tạo | | |

**2. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** ***Mục tiêu:*** HS nhận biết được khái niệm, yêu cầu, bố cục đối với viết một truyện kể sáng tạo.

***b. Nội dung:*** HS đọc phần thông tin trang 18 để hoàn thành PHT số 1

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về khái niệm, yêu cầu, bố cục đối với việc viết một truyện kể sáng tạo.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung thông tin trong SGK, sau đó điền các từ khoá vào ô trống để hoàn thành **PHT số 2** về kiểu bài viết một truyện kể sáng tạo (có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, cách ghi tóm tắt các từ khoá vào sơ đồ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 HS ngồi cạnh nhau đổi tờ kết quả cho nhau. GV trình chiếu đáp án của sơ đồ để HS chấm điểm cho bài của bạn, mỗi ý đúng tương đương với 1 điểm.  *\* Kết luận, nhận định:* GV giải thích và nhấn mạnh lại các ý về yêu cầu của kiểu bài ở những từ khoá HS bỏ sót/ chưa cô đọng. Nếu HS đã làm tốt sơ đồ tư duy, GV nhắc Hs lưu PHT vào hồ sơ bài học. | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  Truyện kể sáng tạo (có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm): thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong đó, người viết dùng trải nghiệm cuộc sống và trí tưởng tượng để sáng tạo một câu chuyện có bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, sự kiện, kết hợp miêu tả và biểu cảm để câu chuyện sinh động và thể hiện cảm xúc của người viết.  2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:  - Về nội dung: đề tài gần gũi; nội dung câu chuyện gắn với một/ một vài nhân vật trong một bối cảnh thời gian, không gian nhất định; truyền tải thông điệp nào đó tới người đọc.  - Về hình thức: xây dựng cốt truyện gồm các sự việc chính, chi tiết tiêu biểu; kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm.  - Bố cục truyện kể cần đảm bảo:  + Mở đầu truyện: giới thiệu thời gian, không gian, các nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện.  + Diễn biến truyện: chọn ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba); lần lượt kể lại các sự kiện từ mở đầu đến kết thúc xoay quanh nhân vật chính; sử dụng các chi tiết tiệu biểu; xây dựng đối thoại giữa các nhân vật; kết hợp miêu tả và biểu cảm;...  + Kết thúc truyện: có thể nêu cách giải quyết vấn đề được đề cập trong truyện phù hợp với diễn biến câu chuyện, gợi mở hoặc thể hiện những suy ngẫm từ/ về câu chuyện. |
| **PHT số 2**  Viết truyện kể sáng tạo  (sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm)  Yêu cầu  Khái niệm  …  Về nội  dung: ...  Về hình  thức: ...  Bố cục  Mở đầu  truyện: ...  Diễn biến  truyện: ...  Kết thúc  truyện: ...  **.** | |

**3. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Phân tích được đặc điểm của kiểu bài thể hiện qua VB phân tích mẫu.

***b. Nội dung:*** HS đọc và trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK

***c. Sản phẩm:***  Câu trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Quan sát cột bên trái của ngữ liệu tham khảo, trả lời câu hỏi: Truyện có mấy phần?  (2) Lần lượt đọc từng phần trong truyện (cột giữa) và các số, kí hiệu \*, \*\*, \*\*\* (cột phải) trả lời câu hỏi: Ý nghĩa của các chỉ dấu là gì?  (3) Trả lời 7 câu hỏi:  Câu 1: Xác định ngôi kể, người kể trong văn bản trên.  Câu 2: Tác giả đã mở đầu câu chuyện bằng cách nào?  Câu 3: Tình huống làm nảy sinh câu chuyện là tình huống gì?  Câu 4: Tìm các chi tiết tiêu biểu gắn với các sự kiện trong câu chuyện. Các sự kiện, chi tiết trong truyện được liên kết với nhau như thế nào? Chi tiết nào khiến cho diễn biến của câu chuyện trở nên bất ngờ, thú vị?  Câu 5: Đoạn đối thoại giữa cha tôi và bác thợ có tác dụng gì trong việc thể hiện tính cách của hai nhân vật này? Nhân vật cha tôi đã có cách giải quyết thế nào đối với sự kiện thứ hai?  Câu 6: Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa tự sự với miêu tả, biểu cảm trong truyện.  Câu 7: Em rút ra được những lưu ý gì khi viết một truyện kể sáng tạo?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ trong nhóm 4 - 6 HS.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, bổ sung  (1) VB có 3 phần: Mở đầu truyện (giới thiệu thời gian, không gian, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện), diễn biến truyện (gồm ba sự kiện chính liên quan đến bác thợ sửa ghế và cha tôi), kết thúc truyện (ấn tượng/ suy nghĩ của người viết về nhân vật).  (2) Ý nghĩa của các số, kí hiệu \* trong VB và trong các khung bên phải VB: Thể hiện cấu trúc của kiểu bài viết truyện kể sáng tạo (có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm).  - Con số: Nhận biết bối cảnh, các sự kiện chính trong truyện.  - Dấu \*, \*\*, \*\*\*: Nhận biết miêu tả, biểu cảm, đối thoại | **Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất (“tôi”), là một trong những đứa con của chủ nhà, kể lại câu chuyện xảy ra vào thời thơ ấu của mình.  **Câu 2:** Tác giả đã mở đầu câu chuyện bằng cách nhắc lại kỉ niệm thuở nhỏ của mình khi trở về thăm ngôi nhà xưa, nhìn lại chiếc ghế tựa cũ kĩ và nhớ lại về nhát đinh của bác thợ sửa ghế.  **Câu 3:** Mấy anh em nô đùa làm bong mặt ghế nên người cha phải nhờ bác thợ ghế đến sửa chữa.  **Câu 4:**  - Các chi tiết tiêu biểu gắn với các sự kiện trong câu chuyện:  + Sự kiện 1: Bác thợ đến sửa chữa chiếc ghế hỏng. Chi tiết: Bác thợ xoa xoa tay trên mặt ghế vừa được thay lại như để từ biệt đứa con của mình rồi chào cả cha tôi, lẫn chúng tôi ra về.  + Sự kiện 2: Bác thợ quay lại vì một chiếc đinh chưa đóng hết. Chi tiết: Bác thợ mở hòm đồ nghề và gõ “chát” vào nhát đinh chưa đóng hết.  Các sự kiện - chi tiết liên kết với nhau theo mạch thời gian.  - Chi tiết bác thợ dù đã đi được một “quãng xa” trong đêm mưa gió vẫn quay lại chỉ vì một chiếc đinh chưa đóng hết làm câu chuyện trở nên thú vị, bất ngờ, thể hiện tính cách tận tuỵ, trách nhiệm trong công việc của bác thợ.  **Câu 5:**  - Đoạn đối thoại giữa cha tôi và bác thợ có tác dụng:  + Thể hiện sự quan tâm của cha tôi dành cho bác thợ (“Bác quên gì đấy ạ?”).  + Thể hiện tính khiêm tốn, tận tuỵ, trách nhiệm của bác thợ khi giải thích lí do quay lại chỉ vì một cái đinh chưa đóng hết (“Để vậy, có người sẽ rách quần áo”).  - Đối với sự kiện thứ 2 (bác thợ quay lại chỉ để đóng cho hết chiếc đinh vào ghế), nhân vật người cha đã có cách ứng xử phù hợp, trân trọng với hành động đẹp của bác thợ (cảm động trước tấm lòng tận tuỵ của bác thợ, biếu thêm tiền cho bác).  **Câu 6:** Việc kết hợp tự sự (kể lại sự việc), miêu tả (mô tả ngoại hình, hành động, hình dáng nhân vật) và biểu cảm (cảm xúc của nhân vật, người kể chuyện) giúp câu chuyện trở nên sống động, nhân vật được khắc hoạ cụ thể, chi tiết và gây ấn tượng với độc giả.  **Câu 7:**  - Chọn ngôi kể, người kể chuyện phù hợp với bối cảnh, nội dung truyện.  - Tạo những tình huống bất ngờ nhưng logic giúp câu chuyện trở nên lôi cuốn, thú vị.  - Xây dựng các sự kiện, chi tiết sắp xếp theo trình tự hợp lí, chú ý đến yếu tố kết nối giữa các sự kiện, chi tiết trong câu chuyện.  - Kết hợp tự sự (kể) với miêu tả, biểu cảm.  - Sử dụng đối thoại, độc thoại nội tâm để thể hiện sinh động, tự nhiên nét tính cách của các nhân vật.  - Kết thúc truyện cần để lại suy ngẫm, ý nghĩa cho người đọc về thông điệp của truyện. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

***a. Mục tiêu:***Xác định mục đích, đối tượng và đề tài của truyện sẽ kể.

***b. Nội dung:*** HS đọc đề bài trong SGK, mục *Hướng dẫn quy trình viết* trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ:* HS hoàn thành PHT sau đây:  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS hoàn thành PHT.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS dán PHT lên bảng, cả lớp thảo luận.  *\* Kết luận, nhận định:* GV lắng nghe phần trình bày ý tưởng và có thể gợi ý HS điều chỉnh nếu thấy đề tài không phù hợp với nhận thức, trải nghiệm và tâm lí lứa tuổi của các em. | Đề bài: [Kể một câu chuyện mà em tưởng tượng trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/ke-mot-cau-chuyen-ma-em-tuong-tuong-trong-do-co-su-dung-yeu.jsp)  - Đề tài:  + Con người, sự việc, hiện tượng xảy ra trong đời sống  + Tin tức, sự kiện trên báo chí  + Những giấc mơ, câu chuyện tưởng tưởng  + Những ý tưởng từ các truyện đã đọc,...  - Mục đích: sáng tạo câu chuyện sinh động và thể hiện được cảm xúc của bản thân |
| **PHT số 1**  **Xác định đề tài, mục đích, đối tượng của truyện kể**  Đề tài tôi chọn: ...........................................................................................................  Mục đích kể chuyện: ..................................................................................................  Tình huống viết truyện: .............................................................................................. | |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn (thực hiện tại nhà)**

***a. Mục tiêu:*** Thực hành tìm ý, lập dàn ý và viết truyện kể sáng tạo

***b. Nội dung:*** Hs hoàn thiện các PHT

***c. Sản phẩm:*** Phiếu tìm ý, sơ đồ dàn ý, truyện kể sáng tạo (có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm).

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Tìm ý cho bài viết theo **PHT số 2**  - Dựa vào cột 2 trong PHT số 1, Hs lập dàn ý cho bài viết theo **PHT số 3**  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) đến (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | **Bước 1: Tìm ý** (PHT số 2)  **Bước 2: Lập dàn ý** (PHT số 3)  **Bước 3: Viết bài**  Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết, em cần chú ý:  • Dùng ngôi kể thứ nhất hoặc ngôi thứ ba tuỳ thuộc vào mục đích kể chuyện.  • Đảm bảo cấu trúc của một truyện kể: có mở đầu truyện, diễn biến truyện, kết thúc truyện.  • Kết hợp giữa miêu tả (không gian, đồ vật, ngoại hình, trang phục, hành động, cử chỉ, cảm xúc, thái độ của nhân vật,...) và biểu cảm (thể hiện cảm xúc của người kể đối với nhân vật, sự kiện một cách trực tiếp hoặc gián tiếp).  • Kết hợp lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại của nhân vật.  • Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, các biện pháp tu từ, đa dạng hóa các kiểu câu văn (câu rút gọn, câu đặc biệt). |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1 Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách xem lại và chỉnh sửa đoạn văn của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

***b. Nội dung:*** Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm

***c. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Nhóm 2 HS trao đổi bài văn cho nhau để đọc bài của bạn.  - Mời 1 - 2 HS đọc bài văn của mình trên lớp, các HS khác góp ý, trao đổi dựa vào bảng kiểm.  Hướng dẫn HS cách góp ý cho bạn bằng phiếu góp ý kiến sau:   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung trao đổi về truyện kể sáng tạo** | **Câu trả lời** | | Điều tôi thích ở truyện của bạn | … | | Kinh nghiệm viết truyện tôi học ở bạn | … | | Điều tôi không thích trong truyện của bạn | … | | Phần đề xuất bạn chỉnh sửa | … |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Trước tiên, nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ (1). Sau đó, GV cho  HS thực hiện nhiệm vụ (2) với hình thức dạy học toàn lớp.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Mời 1 - 2 HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ nhận xét về bài viết của bạn (dựa vào phiếu chấm điểm của GV).  *\* Kết luận, nhận định:* GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện | \* Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  *Lưu ý:* Với kiểu bài viết này, HS cần tránh các lỗi hay gặp dưới đây:  - Truyện thiếu hấp dẫn do không có bối cảnh hay tình huống thu hút.  - Chọn ngôi kể, người kể không phù hợp với nội dung và chủ đề của truyện.  - Các sự kiện và chi tiết trong câu chuyện không được lồng ghép thống nhất với nhau theo một mạch kể.  - Cốt truyện đơn điệu, thiếu các chi tiết tiêu biểu làm điểm nhấn, không xây dựng được yếu tố bất ngờ hay chi tiết bước ngoặt.  - Chưa khắc hoạ rõ tính cách, động cơ, hành động của nhân vật.  - Ngôn ngữ kể chuyện thiếu sinh động, không tạo được những đoạn đối thoại, độc thoại nội tâm để khắc hoạ ngoại hình, phẩm chất, tính cách của các nhân vật.  - Kết truyện không để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc.  \* Hướng dẫn HS sử dụng các nội dung trong phiếu chấm điểm để hoàn thành phiếu góp ý cho bài văn của bạn. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết một truyện kể sáng tạo có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

***b. Nội dung:*** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết một truyện kể sáng tạo có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết một truyện kể sáng tạo có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV yêu cầu HS sử dụng kĩ thuật 3 - 2 - 1 để:  - Ghi lại 3 điều em học được từ quá trình viết một truyện kể sáng tạo.  - Ghi lại 2 điều em học hỏi được từ bài văn của các bạn.  - Ghi lại 1 hoạt động em dự định sẽ thực hiện sau tiết học để nâng cao kĩ năng viết truyện kể sáng tạo.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại bài học kinh nghiệm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* GV mời 1 - 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng quy trình viết một truyện kể sáng tạo có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

***b. Nội dung:*** Hs chỉnh sửa bài viết

***c. Sản phẩm:*** Bài viết đã được chỉnh sửa một số phần của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Từ truyện đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  (1) Sửa truyện đã viết một cách hoàn chỉnh và công bố.  (2) Chọn một hình thức làm sản phẩm mới để chuyển truyện đã viết thành: Truyện tranh, clip, phim hoạt hình,...  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS về nhà thực hiện chỉnh sửa truyện hoặc chuyển nội dung truyện thành sản phẩm sáng tạo sau đó công bố câu chuyện/ sản phẩm. HS có thể công bố truyện trên blog cá nhân, trang web của lớp, Youtube, trên bảng thông tin lớp học.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS giới thiệu truyện (có thể dưới dạng sản phẩm sáng tạo) đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục sử dụng phiếu chấm điểm để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với các truyện đã được công bố. (Ví dụ: Nếu công bố truyện trên blog cá nhân, trang web, Youtube thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận, hoặc các nút cảm xúc,.). | Hs chọn và thực hiện nhiệm vụ |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 2**

|  |
| --- |
| **PHIẾU TÌM Ý**  **TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ, BIỂU CẢM**  Đề tài: ................................................................................................................  Ngôi kể: .......................................Lí do chọn ngôi kể này: ...............................  • Câu chuyện diễn ra ở đâu, trong khoảng thời gian nào?  • Nhân vật chính trong câu chuện là ai? Những nhân vật phụ có mối quan hệ thế nào với nhân vật chính?  • Tình huống, hoàn cảnh nảy sinh câu chuyện là gì?  • Những sự kiện nào đã diễn ra, diễn tả theo mạch kể nào, nhân vật được khắc họa ra sao qua ngoại hình, trang phục, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc,...?  • Chi tiết nào đóng vai trò tiêu biểu?  • Các yếu tố miêu tả, biểu cảm nên được kết hợp như thế nào trong quá trình kể?  • Cách giải quyết vấn đề đã đặt ra?  • Người kể chuyện và/ hoặc các nhân vật có thái độ, cảm xúc thế nào với nhân vật  chính, sự kiện, câu chuyện được kể?  • Thái độ, cảm xúc đó nên được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp thông qua chi tiết hoặc kết hợp cả hai?  Tên truyện: ................................................................................................................ |

**PHT số 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** | **Thể hiện trong đề tài của em** |
| Mở đầu truyện | Không gian, thời gian |  |
| Nhân vật chính |  |
| Mối quan hệ giữa nhân vật phụ với nhân vật chính |  |
| Diễn biến truyện | Các sự kiện xảy ra |  |
| Đặc điểm nhân vật |  |
| Chi tiết tiêu biểu |  |
| Yếu tố miêu tả, biểu cảm |  |
| Kết thúc truyện | Cách giải quyết vấn đề |  |
| Thái độ của người kể chuyện/ nhân vật |  |
| Thông điệp, bài học |  |

**Bảng kiểm kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở đầu truyện | Sử dụng ngôi kể phù hợp |  |  |
| Giới thiệu nhân vật, bối cảnh, tình huống nảy sinh câu chuyện |  |  |
| Lôi cuốn, thu hút sự chú ý của người đọc |  |  |
| Diễn biến truyện | Có nhân vật chính |  |  |
| Có một vài nhân vật phụ |  |  |
| Các nhân vật được khắc hoa sống động qua ngoại hình, lời nói, ngôn ngữ, hành động |  |  |
| Có cốt truyện |  |  |
| Câu chuyện được thuật lại với sự kiện, diễn biến hợp lí |  |  |
| Có các chi tiết cụ thể, sinh động,... |  |  |
| Kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm |  |  |
| Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính/ tạo được một số điểm nhấn trong câu chuyện |  |  |
| Nội dung truyện kể có ý nghĩa, có tính giáo dục |  |  |
| Kết thúc truyện | Phù hợp với diễn biến câu chuyện |  |  |
| Gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc |  |  |
| Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện | Câu văn giàu hình ảnh |  |  |
| Lời kể linh hoạt, tự nhiên |  |  |
| Đảm bảo dung lượng khoảng 1 000 chữ |  |  |

Tiết theo PPCT: 96

**DẠY NÓI VÀ NGHE**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE**

**KỂ MỘT CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

**Thời lượng: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện, yếu tố miêu tả, yếu tố biểu cảm) hấp dẫn, thu hút người nghe.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Lắng nghe và phản hồi tích cực.

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

Sáng tạo một câu chuyện tưởng tượng để truyền tải thông điệp nhân văn, ý nghĩa.

**II. KIẾN THỨC**

Cách kể chuyện bằng lời kể, ngữ điệu, ngôn ngữ cơ thể và đạo cụ (nếu có).

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, máy chiếu (nếu có), bảng phụ, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Khơi gợi hứng thú cho HS trong việc kể một câu chuyện tưởng tượng.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  HS tham gia trò chơi “Hình ảnh kể chuyện”. Cách chơi như sau:  + GV lựa chọn ngẫu nhiên 1 - 3 hình ảnh trên Internet (nên chọn những hình ảnh gắn với các không gian quen thuộc như: Bãi biển, rừng cây, dòng sông, cánh đồng, vườn hoa,.).  47 Kể chuyện theo tranh ý tưởng | kể chuyện, câu chuyện xã hội, giáo dục 65 KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO THEO TRANH ý tưởng | kể chuyện, câu chuyện xã hội,  bài tập  + GV chiếu các hình ảnh lên cho HS xem.  + HS tưởng tượng và liệt kê một vài sự kiện của câu chuyện nhỏ liên quan đến các hình ảnh.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS viết câu chuyện liên quan đến một số hình ảnh, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu chuyện nhỏ của mình, các HS còn lại có thể bổ sung những hướng tưởng tượng khác, những câu chuyện khác dành cho hình ảnh mà GV trình chiếu.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kể một câu chuyện tưởng tượng, điều này sẽ giúp con người phát huy khả năng quan sát, sáng tạo, bày tỏ tình yêu cuộc sống và những thông điệp tích cực. Từ đó, GV giới thiệu bài học. | Hs quan sát và kể chuyện theo hình dung của bản thân |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Vẽ được sơ đồ tóm tắt các bước kể chuyện tưởng tượng.

***b. Nội dung:*** HS vẽ sơ đồ

***c. Sản phẩm:*** Sơ đồ của nhóm HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc nội dung bốn bước kể chuyện tưởng tượng (trong SGK), vẽ sơ đồ tóm tắt từ khoá trong các bước này.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ, góp ý lẫn nhau.  *\* Kết luận, nhận định****:*** GV nhận xét sơ đồ của HS và giới thiệu | Sơ đồ 4 bước, gồm các nội dung:  - Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian, không gian kể chuyện.  - Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.  - Bước 3: Luyện tập, trình bày.  - Bước 4: Trao đổi, đánh giá. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Xác định đề tài, người nghe, thời gian, không gian kể chuyện**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được ảnh hưởng của các yếu tố đề tài, người nghe, thời gian, không gian đến tiến trình kể một câu chuyện tưởng tượng.

***b. Nội dung:*** HS trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của nhóm cho PHT xác định đề tài, người nghe, thời gian, không gian,... kể chuyện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm thảo luận để hoàn thành **PHT số 1** phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sức thu hút, hấp dẫn trong phần kể chuyện tưởng tượng của nhóm  Đặc điểm của  không gian kể  là ...  Sự hứng thú của  người nghe với  đề tài truyện ...  Đề tài truyện là...  Thời gian kể  chuyện là ...  Đặc điểm của  người nghe (tâm  lí, sở thích,...) ...    *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS hoàn thành PHT trong thời gian 5 phút.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện một nhóm HS lên chia sẻ, các nhóm khác bổ sung ý kiến và đặt câu hỏi (nếu cần) cho nhóm trình bày.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác định đề tài, người nghe, không gian, thời gian với hoạt động kể chuyện. | - Đề tài: Quyết định nội dung và định hướng của câu chuyện; đề tài cần lôi cuốn, độc đáo, phù hợp với sở thích, nhu cầu của người nghe.  - Người nghe: Ảnh hưởng đến quá trình người kể điều chỉnh cách kể, ngôn ngữ, chi tiết cho phù hợp với tâm lí lứa tuổi và gây hứng thú cho người nghe.  - Không gian kể chuyện: Cần tìm hiểu để trang trí, bố trí đạo cụ, xác định vị trí đứng của người kể chuyện,...  - Thời gian kể chuyện: Cần đủ dài để phát triển nội dung cốt truyện nhưng nếu dài quá sẽ khiến người nghe mất tập trung. Người kể cũng cần tạo nhịp độ kể phù hợp, lôi cuốn. |

**2. Tìm ý, lập dàn ý**

***a. Mục tiêu:*** Thực hành tìm ý, lập dàn ý trên cơ sở bài viết một truyện kể sáng tạo đã thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs tìm ý, lập dàn ý

***c. Sản phẩm:*** Nội dung tóm tắt của phần tìm ý, lập dàn ý mà các nhóm đã chuẩn bị sẵn ở nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Các nhóm hoàn thành PHT tìm ý, lập dàn ý theo **PHT số 2**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo phiếu hướng dẫn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* GV có thể không tổ chức hoạt động báo cáo, thảo luận phần tìm ý, lập dàn ý này để dành thời gian cho các nhóm trình bày sản phẩm kể chuyện tưởng tượng.  *\* Kết luận, nhận định:* Hướng dẫn HS rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình tìm ý, lập dàn ý và chuyển nội dung bài viết sang bài nói | - Lựa chọn cách thức mở đầu câu chuyện kể thật hấp dẫn, thu hút người nghe như: Nhập vai vào nhân vật chính; hoá trang (một cách đơn giản) thành một nhân vật trong truyện; tạo không gian, thời gian, tình huống để người nghe dễ hình dung ra bối cảnh câu chuyện; sử dụng âm thanh,... để gây sự chú ý ở người nghe,...  - Lựa chọn một số sự kiện, chi tiết, đoạn hội thoại, đoạn độc thoại tiêu biểu trong bài kể một câu chuyện tưởng tượng. Không nhất thiết phải kể lại toàn bộ nội dung phần viết trong bài nói.  - Sử dụng công cụ hỗ trợ để câu chuyện kể của em gây ấn tượng với người nghe hơn như: Tranh ảnh, đồ vật liên quan đến các sự kiện/ chi tiết tiêu biểu trong truyện, các thẻ từ khoá dán lên bảng trong quá trình kể nhằm nhấn mạnh thông điệp/ chủ đề truyện.  - Thiết kế thành bài trình chiếu PowerPoint, chèn thêm hình ảnh, video, bài nhạc liên quan đến nội dung câu chuyện kể. |
| **PHT số 2**  **Mở đầu**  Bối cảnh (không gian, thời gian)  Bối cảnh (không gian, thời gian)  **Diễn biến**  Sự kiện 1  • Các chi tiết  • Chi tiết tiêu biểu  Sự kiện 2  • Các chi tiết  • Chi tiết tiêu biểu  Sự kiện 3  • Các chi tiết  • Chi tiết tiêu biểu  **Kết thúc**  Giải pháp kết thúc truyện  Tình cảm dành cho nhân  vật chính  Thông điệp, bài học (nếu  có)  . | |

**3. Luyện tập, trình bày**

***a. Mục tiêu:***

- Giải thích được vì sao cần luyện tập, trình bày trước khi kể câu chuyện tưởng tượng trên lớp.

- Rút ra bài học kinh nghiệm về cách luyện tập kể chuyện ở nhà.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời thảo luận của các nhóm; kinh nghiệm nhóm rút ra sau phần luyện tập kể chuyện ở nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: Vì sao chúng ta cần luyện tập trình bày trước khi kể chuyện trên lớp?  (2) Các nhóm HS chia sẻ ít nhất một bài học kinh nghiệm rút ra sau quá trình luyện tập kể chuyện ở nhà.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm (với sự điều phối của nhóm trưởng) cùng nhau thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày phần tự đánh giá, sau đó, GV mời 1 - 2 HS đại diện chia sẻ trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định* | (1) Việc luyện tập, trình bày kể một câu chuyện tưởng tượng sẽ tạo nên một số tác dụng sau cho bài nói:  - Giúp người kể tự tin, làm chủ phần kể chuyện sáng tạo của mình vì đã được luyện tập, rút kinh nghiệm trước đó.  - Giúp người kể biết lựa chọn những sự kiện, chi tiết, lời thoại cần nhấn mạnh để tạo sức thu hút, hấp dẫn cho câu chuyện kể.  - Giúp người kể điều chỉnh giọng nói, cảm xúc trong khi nói để phù hợp với diễn biến câu chuyện và tâm lí của các nhân vật, nhờ vào quá trình đã tập luyện trước đó.  - Giúp người kể dự kiến được những câu hỏi, phản hồi của người nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - …  (2) Kinh nghiệm rút ra sau quá trình thực hành kể chuyện:  - Cần kiểm soát thời gian, tốc độ kể.  - Cần học cách nhập vai nhân vật chính, các nhân vật phụ trong các đoạn đối thoại.  - Cần phối hợp phần nói với ngôn ngữ cơ thể (động tác tay, ánh mắt để kết nối với người nghe, mỉm cười khi bắt đầu và kết thúc,...). |

**4. Trao đổi, đánh giá**

***a. Mục tiêu:*** HS đưa ra được những phản hồi sau khi nghe phần kể chuyện của nhóm bạn.

***b. Nội dung:*** Hs trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

***c. Sản phẩm:*** Ý kiến phản hồi của HS về câu chuyện tưởng tượng các nhóm đã kể.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Các nhóm HS đóng góp, phản hồi trong khi nghe nhóm bạn kể chuyện, sau đó, GV tổng hợp ý kiến.  GV có thể gợi ý các nhóm lưu phiếu phản hồi của nhóm bạn để rút kinh nghiệm cho những lần trình bày tiếp theo theo PHT số 3  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm (với sự điều phối của nhóm trưởng) cùng nhau thực hiện nhiệm vụ phản hồi trong và sau khi nghe nhóm bạn kể một câu chuyện tưởng tượng.  *\* Báo cáo, thảo luận:* GV mời đại diện một vài nhóm nêu ý kiến.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhấn mạnh ý nghĩa của việc nhận phản hồi từ các nhóm khác sẽ giúp người kể kể chuyện tự tin hơn, biểu cảm hơn. |  |
| **. PHT số 3**  **Ba điều**  **hài lòng**  • Về nội dung câu chuyện kể (bối cảnh, nhân vật, sự kiện, chi tiết, thông điệp,...)  • Về cách thức kể chuyện (giọng nói, ngữ điệu, sự sáng tạo,..)  • Về sự chuẩn bị, sử dụng đạo cụ khi kể  • Về nội dung câu chuyện kể (bối cảnh, nhân vật, sự kiện, chi tiết, thông điệp,...)  • Về cách thức kể chuyện (giọng nói, ngữ điệu, sự sáng  tạo,...)  • Về sự chuẩn bị, sử dụng đạo cụ khi kể  • Về nội dung câu chuyện kể (bối cảnh, nhân vật, sự kiện, chi tiết, thông điệp,...)  • Về cách thức kể chuyện (giọng nói, ngữ điệu, sự sáng  tạo,...)  • Về sự chuẩn bị, sử dụng đạo cụ khi kể  **Hai điều**  **cần thay đổi**  **Một góp ý,**  **đề nghị**  . | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN ÔN TẬP**

**1. Hoạt động vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** Phát triển năng lực sáng tạo, sử dụng công nghệ chụp ảnh với điện thoại thông minh để kể lại bằng hình ảnh câu chuyện mà em ấn tượng/ xúc động nhất.

***b. Sản phẩm:*** Album hình chuyển thể một câu chuyện bằng hình ảnh.

- Cá nhân HS tự chọn một số chi tiết, sự kiện trong câu chuyện tưởng tượng mà mình yêu thích.

- Sử dụng điện thoại thông minh để tìm/ tạo bối cảnh, chuyển các chi tiết, sự kiện trong câu chuyện thành những bức hình.

- Kết nối các hình ảnh thành một album, nên đặt tên album và có phần chú thích cho mỗi hình ảnh dựa trên nội dung câu chuyện đã được nghe.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Thiết kế album hình ảnh một câu chuyện mà em yêu thích nhất trong các câu chuyện được nghe các bạn kể ở lớp.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Dùng một số công cụ cho phép chỉnh sửa hình ảnh như: Canva, Photoshop,...  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS tải các album hình ảnh lên nhóm Zalo hay Facebook của lớp để tất cả HS và GV đều có thể xem và bình luận. | Hs thực hiện |

**2. Hoạt động hướng dẫn thực hiện phần Ôn tập**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***b. Nội dung:*** HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:*** Phần ghi chú của HS về cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV giao cho HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV sẽ nhận xét về sản phẩm của HS trong tiết ôn tập tại lớp. | Hs trả lời câu hỏi |

**IV. PHỤ LỤC**

Tiết theo PPCT: 97

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập

**2. Phẩm chất:**

Tôn trọng sự thật, có tinh thần đấu tranh cho lẽ phải trong cuộc sống.

**II. Kiến thức**

Củng cố kiến thức về Đọc – viết – nói – nghe trong chủ điểm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bảng, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Sau khi học xong chủ điểm Hành trình khám phá sự thật, em ấn tượng với vấn đề nào nhất? Vì sao?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | Hs chia sẻ |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học. |  |
| **Câu 1:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Không gian, thời gian** | **Các sự kiện chính** | **Chi tiết tiêu biểu** | **Ngôi kể** | **Chủ đề** | | Chiếc mũ miện dát đá be-rô |  |  |  |  |  | | Ngôi mộ cổ |  |  |  |  |  | | Kẻ sát nhân lộ diện |  |  |  |  |  |   Gợi ý: GV tổ chức cho HS chia sẻ nội dung trong PHT đã chuẩn bị ở nhà theo hình thức *Chia sẻ vòng tròn,* mỗi bạn sẽ đảm nhiệm một vai để tóm tắt một nội dung trong ba VB. Cụ thể các vai như sau:  - Người dựng bối cảnh (tóm tắt về không gian, thời gian trong ba VB).  - Người xây dựng cốt truyện (tóm tắt về các sự kiện chính xảy ra trong ba VB).  - Người phân tích chi tiết (phân tích các chi tiết tiêu biểu trong ba VB).  - Người chọn ngôi kể (liệt kê ngôi kể trong ba VB và giải thích lí do tác giả lại chọn ngôi kể đó).  - Người khái quát chủ đề (xác định chủ đề của ba VB).  Hoàn thành nội dung bảng theo gợi ý sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Không gian, thời gian** | **Các sự kiện chính** | **Chi tiết tiêu biếu** | **Ngôi kế** | **Chủ đề** | | *Chiếc mũ miện dát đá be-rô* | - Không gian: Vụ án xảy ra trong khuôn viên gia đình Hôn-đơ  - Thời gian: Vụ án xảy ra trong đêm có tuyết rơi | - Ông Hôn-đơ nhận chiếc mũ miện quý giá làm vật tín chấp, đem về cất ở nhà  - A-thơ mê cờ bạc và đang nợ nần  - A-thơ si mê Me-ry nhưng Me-ry không đáp lại tình cảm  - Hôn-đơ phát hiện A-thơ cầm trên tay chiếc mũ miện bị cong  - Me-ry bỏ nhà ra đi và để lại lá thư | Xem lại câu trả lời cho câu 2 của VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô* | Ngôi thứ nhất “tôi” - bác sĩ Oát-sân, một nhân vật  trong truyện | Sự kiên trì, cẩn trọng khi xem xét các vụ việc để tránh việc buộc tội, kết luận sai | | *Ngôi mộ cổ* | - Không gian: Khu mộ cổ họ Đặng ở Văn Lý  - Thời gian:  Một đêm  trăng | Các câu thơ và dấu triện khắc trên bốn chiếc đĩa của anh em nhà họ Đặng | Xem lại câu trả lời cho câu 2 của VB  *Ngôi mộ cổ* | Ngôi thứ 3 | Khi xem xét một vụ án, phải tìm hiểu mọi thông tin và suy luận dựa trên các thông tin xác thực | | *Kẻ sát nhân lộ diện* | Xem lại câu trả lời cho câu 3 của VB *Kẻ sát nhân lộ diện* | Cảnh sát trưởng tổ chức cuộc đấu trí cùng Gioóc Cle-  mơn, với sự tham gia của Giôn và Ba-brơ | Xem lại câu trả lời cho câu 5 của VB *Kẻ sát nhân lộ diện* | Ngôi thứ nhất “toi” - Giôn, một nhân vật trong truyện và là nghi phạm | Tội phạm rất xảo quyệt, khôn khéo, cần có sự bình tĩnh, khôn ngoan, thông minh để đưa tội phạm ra ánh sáng |   **Câu 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên nhân vật** | **Đặc điểm(của nhân vật chính trong truyện trinh thám)** | **Bằng chứng**  **(trích trong VB)** | | Sơ-lốc Hôm | … | … | | Kỳ Phát | … | … | | Giôn Oa-rân | … | … |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên nhân vật** | **Đặc điểm (của nhân vật chính trong truyện trinh thám)** | **Bằng chứng (trích trong VB)** | | Sơ-lốc Hôm | - Kĩ thuật điều tra vượt trội, khả năng quan sát tinh tường, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào  - Khả năng lập luận, đánh giá sắc bén | - Quan sát rất kĩ các dấu chân in sâu trên tuyết ở cửa và những dấu chân để lại trên đường  - Sự việc A-thơ chứng kiến Me-ry lấy trộm mũ miện nhưng không nói với cha được Hôm kết nối với việc A-thơ si mê Me-ry nhưng không được đáp lại đã giúp Hôm kết luận: Vì giận cha nghi oan cho mình và vì hào hiệp, A-thơ đã không nói với cha thủ phạm thực sự ăn cắp chiếc mũ miện là ai | | Kỳ Phát | - Kĩ thuật điều tra vượt trội, khả năng quan sát tinh tường, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào  - Khả năng lập luận, đánh giá sắc bén | - Dùng dây quả dọi để xác định hướng, quan sát địa thế cây cổ thụ, quan sát lốt chân trên đường xuống hầm mộ  - Liên kết được thông tin bí ẩn, khó lí giải trong câu thơ “Tây một trăm giây, thẳng một giây” với quá trình viên cố đạo người Tây giúp ông tổ họ Đặng tìm ra cách để giấu kho báu; từ đó, đưa ra suy luận quan trọng về việc tính khoảng cách theo trăm giây đồng hồ | | Giôn Oa-rân | - Khả năng quan sát tinh tường, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào  - Khả năng phân tích, lập luận sắc bén | - Quan sát từng cử động của Gioóc Cle-mơn, thấy được thái độ bình tĩnh đáng kinh ngạc, sự xảo quyệt của hắn khi cảnh sát trưởng Scan-lân và Ba-brơ trao đổi về manh mối tìm tang chứng mà thủ phạm để lại chỗ thám tử tư Đen-mân  - Giôn đánh giá được tác động của cú điện thoại mà cảnh sát trưởng và vợ (do Ba-brơ đóng giả) đối với việc “tự lộ diện”, “tự rơi vào bẫy” của tên sát nhân quỷ quyệt Gioóc Cle-mơn |   **Câu 3:** GV có thể gợi ý HS lập bảng để phân biệt câu đặc biệt và câu rút gọn:   |  |  | | --- | --- | | **Câu rút gọn** | **Câu đặc biệt** | | … | … | | … | … | | Ví dụ: ……………………………………. | Ví dụ: ……………………………………. |   **Gợi ý**   |  |  | | --- | --- | | **Câu rút gọn** | **Câu đặc biệt** | | Là loại câu bị lược bỏ một hoặc một vài thành phần nào đó và có thể khôi phục lại (các) thành phần bị rút gọn nhờ ngữ cảnh | Tồn tại như nó vốn có, không phải là loại câu bị lược bỏ/ rút gọn thành phần nào, do đó, không thể khôi phục lại các thành phần đã bị lược bỏ/ rút gọn | | Có thể xác định được thành phần còn lại trong câu rút gọn là thành phần gì (chủ ngữ, vị ngữ,...) | Không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ mà chỉ có một nòng cốt đặc biệt (do một từ hoặc một cụm từ (trừ cụm chủ - vị) cấu tạo thành). | | Ví dụ:  (GV yêu cầu HS tìm ví dụ minh hoạ) | Ví dụ:  (GV yêu cầu HS tìm ví dụ minh hoạ) |   **Câu 4:** GV có thể hướng dẫn HS lập bảng so sánh điểm khác biệt giữa cách viết một truyện kể sáng tạo do tưởng tượng và một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc dựa vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Truyện kể sáng tạo do tưởng tượng** | **Truyện kể sáng tạo dựa trên truyện đã đọc** | | Ý tưởng | … | … | | Bối cảnh | … | … | | Cốt truyện và chi tiết | … | … | | Nhân vật | … | … | | Người kể | … | … | | Ngôn ngữ | … | … |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Truyện kể sáng tạo do tưởng tượng** | **Truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc** | | Ý tưởng | Mới lạ, xuất phát từ trải nghiệm và trí tưởng tượng, sự sáng tạo của người viết | Dựa trên ý tưởng của một truyện đã đọc | | Bối cảnh | Không gian, thời gian mới lạ, được xây dựng dựa trên ý tưởng của người viết | Giữ nguyên hoặc tái tạo lại bối cảnh dựa trên không gian, thời gian của truyện đã đọc | | Cốt truyện và chi tiết | Được xây dựng dựa trên sự sáng tạo, theo mạch kể của người viết | Thường giữ nguyên cốt truyện đã đọc, có thể thay đổi một số chi tiết, viết lại một phần (ví dụ phần kết truyện) | | Nhân vật | Được người viết xây dựng dựa trên: Ý tưởng, hình ảnh nguyên mẫu hoặc hoàn toàn chỉ có trong trí tưởng tượng của người viết | Thường giữ nguyên nhân vật, các điểm chính trong tính cách nhân vật của truyện đã đọc | | Người kể | Được lựa chọn dựa trên mục đích kể chuyện, ý tưởng của người viết thống nhất với ý tưởng ban đầu | Có thể thay đổi người kể sang một nhân vật khác | | Ngôn ngữ | Độc đáo, sáng tạo, mang phong cách riêng của người viết | Có phần bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ của tác phẩm đã đọc |   **Câu 5:** Làm thế nào để thu hút sự chú ý của người nghe khi kể một câu chuyện tưởng tượng?  Gợi ý:Một số bài học kinh nghiệm để thu hút sự chú ý của người nghe khi kể một câu  chuyện tưởng tượng:  - Bắt đầu câu chuyện bằng cách miêu tả không gian và thời gian thật chi tiết, cụ thể để người nghe hình dung bối cảnh.  - Tạo ra một tình huống bất ngờ, gây chú ý như một sự cố, một cuộc gặp gỡ bất thường, một sự thay đổi đột ngột,...  - Giới thiệu nhân vật độc đáo và hấp dẫn, miêu tả hoàn cảnh, ngoại hình, tính cách,... của nhân vật.  - Tạo sự kết nối liền mạch cho các sự kiện, chi tiết trong câu chuyện.  - Duy trì nhịp độ câu chuyện bằng cách xen kẽ những tình tiết, hành động và các chi tiết gây bất ngờ.  - Sử dụng yếu tố miêu tả bằng cách khai thác năm giác quan, sử dụng yếu tố biểu cảm để thể hiện tình cảm, cảm xúc, thái độ của nhân vật và người kể chuyện.  - … | |

**C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI LỚN CỦA CHỦ ĐIỂM**

***a. Mục tiêu:*** ***a. Mục tiêu:*** HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Hành trình khám phá sự thật.*

***b. Nội dung:*** Hs trình bày ý kiến về câu hỏi lớn của bài học

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu hỏi 6 (trong SGK).

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Theo em, cần có những phẩm chất và kĩ năng gì mới có thể khám phá sự thật?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Hs suy nghĩ  \* *Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 3,4 Hs trả lời câu hỏi, các Hs khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV ghi nhận nội dung chia sẻ của các nhóm HS và chỉ điều chỉnh, lưu ý khi các em liệt kê không đúng yêu cầu câu hỏi (không phải phẩm chất hoặc kĩ năng).  - Dựa trên câu trả lời của HS, GV tóm tắt lại các phẩm chất, kĩ năng cần thiết để có thể khám phá sự thật. | *Gợi ý:*  - Các phẩm chất nên có: Trung thực, không “bóp méo” sự thật; kiên trì trên hành trình tìm kiếm sự thật; can đảm, dũng cảm để đấu tranh cho sự thật.  - Các kĩ năng cần thiết: Kĩ năng tập hợp, chọn lọc, phân loại thông tin; kĩ năng phân tích, suy luận vấn đề một cách logic; kĩ năng lắng nghe và đặt câu hỏi,..  - GV cần nhấn mạnh thêm cho HS về mối quan hệ hỗ trợ, đồng hành giữa phẩm chất - kĩ năng trên hành trình khám phá sự thật. Phẩm chất là nền tảng để con người có động lực theo đuổi sự thật, tôn trọng sự thật; còn kĩ năng giúp khai thác, xử lí thông tin một cách khoa học, hiệu quả để đạt được mục tiêu khám phá sự thật đó |

**V. PHỤ LỤC**